

LÝ NHÂN QUẢ

Nàrada Mahà Thera
Phạm Kim Khánh dịch

(Trích "Đức Phật và Phật Pháp", Chương 18-21)

Mục lục

1. Nghiệp báo
2. Nghiệp là gì?
3. Sự báo ứng của Nghiệp
4. Tính chất của Nghiệp

-ooOoo-

1. Nghiệp Báo

"Tất cả chúng sanh đều có cái nghiệp của mình." -- Trung A Hàm

Định luật nhân quả trong lĩnh vực tinh thần đạo đức là Nghiệp Báo, Kamma [1].

Tái Sanh là hệ luận tự nhiên của Nghiệp. Nghiệp Báo và Tái Sanh là hai giáo lý căn bản trong đạo Phật có liên quan mật thiết với nhau.

Từ trước thời Đức Phật, hai học thuyết Nghiệp Báo và Tái Sanh đã được truyền bá sâu rộng tại Ấn Độ. Tuy nhiên, chính Đức Phật đã giải thích tận tường và trình bày đầy đủ Giáo Pháp cao siêu ấy, đến nay vẫn còn lưu truyền.

Vì sao có sự bất đồng trong nhân loại?

Ta phải giải thích thế nào những chênh lệch tựa hồ như bất công trong thế gian?

Tại sao có hạng người sanh trưởng trong cung điện nguy nga, giàu sang vinh hiển, trí tuệ xuất chúng, đạo hạnh thanh cao, thân hình tráng kiện, trong khi ấy có kẻ khác lại phải chịu sống trong cảnh cùng đinh, cơ hàn khốn khổ? Tại sao người kia có tiền của ứct triệu mà người nọ lại thiếu trước hụt sau? Tại sao có người thông minh tuyệt vời và có kẻ tối tăm ngu muội? Tại sao người này được sanh ra với bản tánh hiền lương của các bậc thánh nhân, kẻ nọ lại sẵn nét hung dữ từ khi lọt lòng mẹ? Tại sao có hạng thần đồng thông suốt nhiều thứ tiếng, có hạng thần đồng về môn toán học, thần đồng về khoa hội họa, văn chương, âm nhạc v.v...? Tại sao có những trẻ em sanh ra đã mù, điếc, câm, ngọng hoặc kỳ hình dị thể? Tại sao có những trẻ em vừa mở mắt chào đời đã được hưởng mọi phúc lành, và có em lại bị xem như một tội khổ?

Có chăng những nguyên nhân nhất định, tạo nên hoàn cảnh chênh lệch trong thế gian? Nếu không, những trạng thái bất đồng kể trên hẳn là những sự kiện ngẫu nhiên xảy ra hoàn toàn do

sự may rủi.

Bậc trí tuệ không thể tin nơi sự may rủi mù quáng và không chấp nhận lối giải thích bằng sự ngẫu nhiên.

Trong thế gian này không có điều chi xảy đến cho người nào mà không do một hay nhiều nguyên nhân. Quả vui, quả khổ của những người đang gặt hái đều trở sanh do những nhân tốt hay xấu đã tạo, hoặc trong kiếp hiện tại, hoặc trong những kiếp quá khứ. Nhưng với lý trí phàm tục, với sự hiểu biết tùy thuộc nơi giác quan của nhục thể, không dễ gì thấu triệt những nguyên nhân vô hình và phức tạp của guồng máy thế gian. Ta chỉ thấy hiển hiện trước mắt cái quả đang trở mà không thấy được tất cả các nguyên nhân vi tế đã tạo điều kiện cho quả ấy phát sanh, vì nhân kia không phải hoàn toàn được tạo nên trong kiếp hiện tại mà có thể được rải rác gieo trồng từ vô lượng tiền kiếp.

Có chăng những bậc cao minh sáng suốt, tiếp nhận được bằng tuệ giác những điều mà mắt thịt tại phàm không thể nghe thấy? Phật Giáo xác nhận rằng có thể có.

Vài hệ thống tín ngưỡng chủ trương rằng tất cả các sự khác biệt trong đời đều do một nguyên nhân duy nhất, và nguyên nhân ấy là do sự quyết định tối cao của Đấng Tạo Hóa. Đức Phật không nhìn nhận có một Đấng Tạo Hóa toàn tri, toàn năng, tạo ra căn khôn vũ trụ.

Các nhà bác học hiện đại giải thích thế nào sự chênh lệch của nhân loại?

Căn cứ trên sự cảm nhận của giác quan, nhà khoa học cho rằng tình trạng bất đồng kia do những nguyên nhân vật lý và hóa học hỗn hợp, do truyền thống và do giới thân cận.

Nhà sinh lý học trứ danh, ông Julien Huxley, có viết như sau:

"Mâm giống sơ khởi cấu tạo con người là những đơn vị sinh lý gọi là "gene" (gene là những cực vi tế bào trong tinh trùng do đó mâm giống của cha truyền sang con gọi là định luật truyền thống).

Có những loại "gene" tạo ra màu sắc cho cơ thể. Có loại chi phối bề cao, sức nặng. Có loại ảnh hưởng tới khả năng sinh sản, tuổi thọ, và sức khỏe của con người. Cũng có loại "gene" ảnh hưởng đến hình hài thể vóc. Phần lớn các đặc tánh di truyền, nếu không phải là tất cả, đều do các đơn vị sinh lý "gene" chi phối.

"Riêng về những đặc tính tinh thần - phức tạp và tế nhị hơn - thật khó mà chứng minh một cách cụ thể. Mặc dầu có những sự kiện hiển nhiên có sự di truyền thuộc về tinh thần, nhưng không có hiện tượng nào xác nhận rằng những đặc điểm tinh thần từ ông bà cha mẹ truyền xuống cho con cháu phải theo một thể thức nào giống như thể thức truyền thống về xác thịt.

"Mọi truyền thống, tinh thần và vật chất, bằng cách này hay cách khác, đều tùy thuộc nơi tác động tương quan giữa các bầm thụ "gene" mà mỗi người mang trong mình từ lúc mới được thọ thai."

Ta phải nhìn nhận rằng tất cả các hiện tượng lý-hóa mà nhà khoa học hiện đại nêu lên đã giải thích một phần vấn đề. Tuy nhiên các hiện tượng lý-hóa ấy không thể là nguyên nhân duy nhất quyết định sự khác biệt tế nhị giữa những cá nhân. Nếu thuyết truyền thống hoàn toàn là đúng, nếu con cái nhất định phải giống cha mẹ, thì ta phải giải thích thế nào trường hợp hai bé sanh đôi, thụ hưởng một thứ sanh khí, một thứ "gene", được nuôi dưỡng in như nhau, tại sao bầm tánh của mỗi em lại khác? Trí tuệ và tánh nết lại càng khác biệt.

Truyền thống không đủ để giải thích chỗ âm u sâu rộng của vấn đề chênh lệch trong đời. Đúng ra, thuyết này giải thích những chỗ giống nhau nhiều hơn là chứng minh những điểm dị biệt.

Hạt "gene" cực kỳ vi tế - lồi một phần ba chục triệu của một phân Anh (1/30.000.000 inch) - chỉ giải thích được một phần vấn đề, phần vật chất. Đối với sự chênh lệch tinh thần, trí tuệ đạo đức, vô cùng phức tạp và tế nhị hơn, chúng ta vẫn còn cần nhiều tia sáng khác. Truyền thống không thể giải thích tại sao có những đứa con hung dữ, sát nhân, trong một gia đình có tiếng là lương thiện, và trái lại, có những trẻ con hiền từ, sanh trưởng trong một gia đình hung ác. Thuyết truyền thống cũng không thể giải thích do đâu có những thần đồng, những bậc vĩ nhân, những bậc Đại Giáo Chủ v.v...

Luận về thuyết truyền thống, Tiến sĩ Th. Pascal viết như sau trong quyển "Reincarnation":

"Quay về vai trò của bẩm thụ "gene" trong vấn đề truyền thống, chúng ta lập lại rằng bẩm thụ vật lý "gene" tự nó giải thích phần vật chất của con người. Về khả năng trí thức và đạo hạnh, bẩm thụ "gene" không rơi được tia sáng nào. Nếu bẩm thụ "gene" cấu tạo được trọn vẹn con người, ta sẽ tìm thấy trong mọi người tất cả bẩm tánh của cha mẹ và không khi nào có những tánh khác.

"Như vậy sẽ không có những người con sát nhân trong gia đình lương thiện và cũng không có những bậc hiền nhân sanh trưởng trong gia đình hung ác. Trong đời sống hằng ngày ta có thể gặp hai đứa trẻ sinh đôi, cùng cha, cùng mẹ, cùng thừa hưởng một bẩm thụ của cha mẹ, cùng được sanh ra trong những điều kiện như nhau, cùng trưởng thành trong những điều kiện như nhau, cùng trưởng thành trong một giới thân cận, thân hình, mày mắt thật giống nhau, những một đứa thì hiền lương, còn một đứa thì hung ác tàn bạo. Ngoài ra, số trẻ thần đồng cũng khá nhiều và đủ làm bối rối các học giả chủ trương thuyết truyền thống. Nếu đi ngược dòng thời gian, phẳng mãi lên trong gia phả các vị thần đồng, ta có thể tìm được chẳng những vị tổ tiên cũng thần đồng như vậy? Vậy, không phải tất cả bẩm tánh và trí tuệ của con người đều do nơi cha mẹ, ông bà, cũng không truyền lại hết cho con. Bằng chứng là trong hàng con cháu của Mozart, Beethoven và Dantes không có một thần đồng hay một vĩ nhân nào, và trong phạm vi của các nhà duy-vật-học, chưa có gì chứng minh được thuyết truyền thống một cách thiết thực.

"Về mặt thể xác, không phải tất cả đặc điểm vật lý của cha mẹ đều được truyền hết cho con, trí tuệ và tính nết mỗi người con một khác [2] và nhiều gia đình lương thiện lấy làm đau khổ mà sanh ra những đứa con ngỗ nghịch bất lương."

Phật Giáo cũng nhìn nhận có phần ảnh hưởng của sự truyền thống và của giới thân cận, nhưng cho rằng không đủ. Phật Giáo thêm vào đây định luật Nghiệp Báo (Kamma), tức là sự tổng hợp các hành động khác trong quá khứ và hiện tại. Chính chúng ta phải lãnh phần trách nhiệm về những hành động của chúng ta trong quá khứ và gặt hái hoàn cảnh an vui hay đau khổ trong hiện tại. Chính ta tạo thiên đàng cho ta. Cũng chính ta tạo địa ngục cho ta. Ta là người xây dựng tương lai của ta. Chính ta tạo cái mà người thế gian gọi là Định Mệnh.

Nguyên Nhân của Sự Chênh Lệch

Thuở Đức Phật còn tại tiền, có chàng thanh niên tên Sudha, thất lạc trạng huống bất đồng giữa loài người, muốn tìm chân lý, đến gần Ngài và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, vì lý do nào và nguyên nhân nào trong đời có người yếu (appayuka) và có người thọ (dighayuka), người bệnh hoạn (bavhabadha) và người khoẻ mạnh (appabadha), người xấu xa (dubbanna) và người đẹp đẽ (vannavanta), có hạng người làm gì cũng không ai làm theo, nói chi cũng không ai nghe (appesakka) và hạng người có thể lực, làm gì cũng có người theo, nói chi cũng có người nghe (mahesakka), có người nghèo khổ (appabhoga) và người giàu sang (mahabhoga), có người sanh trưởng trong gia đình bần tiện (nicakulina) và có người dòng dõi cao sang (uncakulina), có người dốt (duppanna) và có người trí tuệ (pannavanta)?

Đức Phật trả lời vấn đề như thế này:

"Tất cả chúng sanh đều mang theo cái Nghiệp (Kamma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sanh. [3]"

Rồi Đức Phật giải thích cho Subha nghe từng trường hợp:

"Nếu người kia trọn đời chỉ biết sát sanh, người thợ săn chẳng hạn, bàn tay luôn luôn đầm máu, hằng ngày sống trong sự giết chóc và gây thương tích không chút xót thương. Do tính hiếu sát ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ là một người có mạng "yếu".

"Nếu người kia luôn luôn thận trọng, không hề xác phạm đến tính mạng của ai, sống xa gươm đao, giáo mác và các loại khí giới, lấy lòng từ ái đối với tất cả chúng sanh. Do sự không sát sanh (Tâm Từ) ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ trường " thọ".

"Nếu người kia độc ác, luôn luôn tìm cách hại người, luôn luôn dùng đấm đá và gươm đao đối xử với mọi người. Do nét hung dữ, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ ươn yếu bệnh hoạn.

"Nếu người kia không bao giờ làm tổn thương ai khác. Do đức tánh hiền lương nhu hòa, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ được mạnh khỏe.

"Nếu người kia thô lỗ, cọc cằn, luôn luôn giận dữ, chưởi mắng, nguyên rủa kẻ khác. Do hậu quả của sự thô lỗ, cọc cằn ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ xấu.

"Nếu người kia thanh tao nhã nhặn, dầu ai có chưởi mắng thậm tệ cũng không hề oán giận và tìm cách trả thù. Do hậu quả của phong thái thanh nhã ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, người ấy sẽ đẹp đẽ.

"Nếu người kia có tánh đồ kỵ, thêm thường, ham muốn lợi danh của kẻ khác, không biết tôn kính người đáng kính, luôn luôn chứa chấp lòng ganh tỵ. Do hậu quả của tính tật đồ ganh ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người có ảnh hưởng, nói gì không ai nghe, làm gì không ai theo.

"Nếu người kia không có tánh đồ kỵ, không thêm ham muốn lợi danh của người khác, biết tôn trọng người đáng kính, không chứa chấp lòng ganh tỵ. Do ảnh hưởng của tâm không ganh tỵ ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người có thể lực, nói gì cũng có người nghe, làm gì cũng có người theo.

"Nếu người kia không bao giờ biết bỏ thí vật gì. Do tánh keo kiệt, bám níu vào tài sản sự nghiệp của mình, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người nghèo nàn thiếu thốn.

"Nếu người kia giàu lòng quảng đại, tánh ưa bố thí. Do lòng quảng đại rộng rãi ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người giàu có dư dả.

"Nếu người kia không biết phục thiện, tánh ưa kiêu hãnh, không tôn trọng người đáng kính. Do tánh ngạo mạn và vô lễ ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người dễ bị hạ nhục.

"Nếu người kia biết phục thiện, tánh không kiêu hãnh, biết tôn trọng người đáng kính. Do đức tính biết phục thiện và có lễ độ ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người sang trọng quyền quý.

"Nếu người kia không chịu gần người có tài đức để học hỏi điều hay lẽ phải và phân biệt chánh tà. Do sự kém học ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người dốt.

"Nếu người kia cố công tìm đến người có tài đức để học hỏi. Do sự học hỏi chánh đáng ấy, nếu tái sanh trong cảnh người, sẽ là người thông minh trí tuệ." [4]

Trên đường tái sanh luân hồi, con người chịu ảnh hưởng của nghiệp quá khứ nhiều hơn truyền thống.

Như trường hợp của Đức Phật. Ngài đã thọ sanh nhờ tinh trùng, minh châu và mầm thụ "gene" của cha mẹ cũng như mọi chúng sanh. Nhưng về mặt thể chất cũng như về phương diện tinh thần, trong quý tộc, từ tổ tiên mấy đời xuống đến Ngài, không ai có thể sánh với Ngài. Đức Phật đã có lần dạy rằng Ngài không thuộc dòng dõi vua chúa mà thuộc dòng của chư Phật, chắc chắn Đức Phật là bậc siêu nhiên. Ngài sanh ra với cái nghiệp phi thường mà chính Ngài đã tạo nên từ vô lượng kiếp.

Theo kinh Lakkhana Sutta [5], Đức Phật sanh ra với tướng mạo khác thường - 32 đặc điểm phi thường - là do bao nhiêu công đức cao dày mà ngài đã tạo ra trong vô lượng kiếp quá khứ. Kinh Lakkhana Sutta cũng giải thích rành mạch mỗi tướng tốt của Đức Phật, tướng nào phát sanh do nhân nào.

Trường hợp hy hữu của Đức Phật chứng tỏ rằng năng lực của Nghiệp chẳng những chi phối cơ thể mà còn vượt lên, làm mất phần hiệu năng của tinh trùng, minh châu và mầm thụ "gene" của cha mẹ. Vì thế Ngài dạy rằng :

"Ta là kẻ thừa hưởng những hành vi tạo tác của ta như một di sản từ quá khứ truyền lại."

Đề cập đến sự khác biệt giữa chúng sanh, sách Atthasalini ghi rằng:

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có trạng thái chênh lệch trong sự tái sanh. Người sanh ra sang cả, kẻ thì đê hèn. Người sanh ra trong sự khinh khi nguyên rủa, kẻ thì được tôn trọng kính vì. Người được hạnh phúc an vui từ lúc lọt lòng mẹ, kẻ lại khổ sở khôn cùng.

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có sự khác nhau về hình dung, sắc diện: người thì đẹp đẽ, kẻ lại xấu xa, người cao, người thấp, kẻ thì tuần tú phương phi, người thì kỳ hình dị tướng.

"Do sự khác biệt giữa cái nghiệp mỗi chúng sanh nên có trạng thái chênh lệch trong xã hội như được, thua, danh thơm, tiếng xấu, được ca tụng hay bị khiển trách, hạnh phúc hay đau khổ."

"Do nghiệp, thế gian luân chuyển.

Do nghiệp, chúng sanh tồn tại.

Và cũng do nghiệp, mà chúng sanh vương váu.

Liên kết với nhau như bánh xe,

cầu hợp, dính liền và quay tròn quanh cái trục.

"Do nghiệp, chúng sanh được vinh hạnh tôn sùng.

Do nghiệp, chúng sanh chịu cảnh nô lệ tôi đòi,

Bị nạn độc tài đàn áp và đi đến chỗ bại vong .

Đã biết rằng nghiệp sanh quả

Tại sao vẫn tin rằng:

Trong đời này không có nghiệp báo?" [6]

Tóm tắt, theo Phật Giáo, những sự chênh lệch về tinh thần, đạo đức, trí tuệ và phẩm tánh, một phần lớn đều tùy thuộc hành động và khuynh hướng của chúng ta trong quá khứ và trong hiện tại, tức là nghiệp.

Không Phải Tất Cả Đều Do Nghiệp

Mặc dầu chủ trương rằng nguyên nhân chánh tạo nên hoàn cảnh chênh lệch trong đời sống là sự khác biệt giữa cái Nghiệp mỗi chúng sanh, Phật Giáo không quả quyết rằng tất cả đều do nơi Nghiệp. Nói cách khác, Nghiệp không phải là nguyên nhân duy nhất tạo nên những khác biệt, những sự chênh lệch giữa chúng sanh. Định luật Nghiệp Báo tuy quan trọng, chỉ là một trong 24 nguyên nhân (Paccaya) [7] trong đời sống được mô tả trong triết học Phật Giáo. Để điều chỉnh quan niệm sai lầm cho rằng: "Những quả lành, dữ, hay không-lành, không-dữ, tất cả đều phát sanh do những hành động [8] (nghiệp đã tạo ra) trong quá khứ (Pubbekatehetu)", Đức Phật dạy:

"Nếu luận như vậy và quả quyết rằng do những hành động trong quá khứ mà con người trở thành sát nhân, trộm cướp, dâm loạn, láo xược, thô lỗ, nhảm nhí, tham lam, xảo quyết, hư hèn, thì ta có lý do để ý lại, dựa trên quá khứ mà không muốn thực hiện, không cố gắng thực hiện, và cũng không cần thiết phải thực hiện, hay không thực hiện, một hành động, dầu hành động ấy có đáng thực hiện hay không. [9]"

Đoạn kinh quan trọng trên đây đính chánh một quan điểm sai lầm chủ trương rằng tất cả những xảy ra trong lãnh vực tinh thần cũng như vật chất, đều do tiền nghiệp mà phát sanh.

Nếu kiếp sống hiện tại tuyệt đối do hành động quá khứ chi phối hay hoàn toàn do tiền nghiệp chủ động thì định luật Nghiệp Báo chẳng có gì khác hơn là Thuyết Định Mệnh hay Tiền Định. Không ai còn tự do để cải thiện đời sống mình, trong hiện tại hay trong tương lai, và tự do ý trí chỉ là một điều phi lý. Đời sống trở nên hoàn toàn tự động và con người không mấy khác biệt với một cái máy.

Tin rằng chúng ta được sanh ra do một đấng Tạo Hóa Toàn Năng, toàn quyền định đoạt số phận và sắp đặt trước định mạng mà, dầu muốn dầu không, ta không thể nào thay đổi được, hoặc tin rằng cái Nghiệp tạo ra số phận và định đoạt đời sống của chúng ta thì có gì khác nhau? Có khác chăng chỉ ở hai danh từ.

Thuyết định mạng như vậy không phải là định luật Nghiệp Báo trong Phật Giáo.

Năm Niyama (Định Luật)

Theo Phật Giáo có năm định luật, hay tiến trình (Niyama) [10] tác động trong lĩnh vực vật chất và tinh thần. Đó là :

1. **Utu Niyama**, là định luật vật lý có liên quan đến tiến trình của những sự vật vô cơ như hiện tượng thời tiết, mưa, gió, nhiệt, hàn v.v... bốn mùa tám tiết và đặc tánh của mỗi mùa như hạ thì nóng, đông thì lạnh cũng nằm trong định luật này.
2. **Bija Niyama**, là định luật vật lý có liên quan đến tiến trình của những sự vật hữu cơ như cây cỏ. Do định luật này thì mầm nào sanh giống đó. Cây lúa thì do bột lúa, cây cam thì do hạt cam, vị ngọt do đường, mía, mật ong mà ra v.v... Lý thuyết khoa học về tế bào và bẩm thụ gene trong việc thọ thai cũng do định luật này chi phối. Sự giống nhau về phương diện vật lý của hai trẻ sanh đôi cũng vậy.
3. **Kamma Niyama**, là định luật nhân quả hay là sự tiến triển từ hành động, thiện hoặc ác, đến quả, lành hay dữ. Nhân gieo thì quả trổ. Nhân lành đem lại quả tốt. Nhân ác đem lại quả xấu. Đó là định luật thiên nhiên, quả phải trổ sanh do nhân như vậy, chứ không phải là hình thức thưởng hay phạt. Tiến trình từ nhân đến quả cũng tự nhiên và cần thiết như sự xoay chuyển của mặt trăng quanh mặt trời. Đó là nguyên tắc nhân quả tương xứng của định luật Nghiệp Báo.

Nguyên tắc của luật nhân quả là quả trở liên tục. Một nhà bác học tìm tòi, học hỏi, thấu thập được nhiều kiến thức và kinh nghiệm trong đời sống, đến lúc chết và tái sanh, tất cả những kinh nghiệm và kiến thức ấy cũng được chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Đôi khi ta phảng phát nhớ lại một vài kinh nghiệm và kiến thức trong kiếp trước, nhưng lắm lúc ta quên hẳn, cũng như ta quên một vài kinh nghiệm và kiến thức đã thu thập lúc còn nhỏ, trong cùng một kiếp sống. Do nguyên tắc quả trở liên tục có những trường hợp thần đồng nhạc sĩ, họa sĩ, sử học gia, ngôn ngữ gia v.v..., những em bé chưa học mà nói được nhiều thứ tiếng.

4. **Dhamma Niyama**, là định luật của vạn pháp, như những hiện tượng xảy ra khi một vị Bồ Tát đản sanh trong kiếp chót, luật hấp dẫn lực và những định luật khác trong vũ trụ v.v... đều có thể liệt vào lịch trình tiến triển này.

5. **Citta Niyama**, là định luật tâm lý, như tiến trình tâm, sự cấu tạo phần tâm linh, những năng lực của tâm như thần giao cảm, hiểu biết quá khứ vị lai, huệ nhãn, huệ nhĩ, tha tâm thông, và những hiện tượng tương tự mà khoa học hiện đại chưa giải thích được.

Năm lịch trình tiến triển tự nó là những định luật dựa theo đó ta có thể giải thích tất cả những hiện tượng tâm lý cũng như vật lý.

Nghiệp Báo chi là một trong năm định luật ấy.

Cũng như tất cả định luật trong vũ trụ, năm lịch trình tiến triển kể trên không do một oai lực thiêng liêng huyền bí nào tạo nên.

Định luật liên quan đến sự tiến triển vật lý, loại vô cơ, loại hữu cơ, định luật của vạn pháp (Dhamma Niyama) là những lịch trình tiến triển ít nhiều tự động, mặc dầu trong một giới hạn nào, trí thông minh của con người cũng có thể kiểm soát được. Thí dụ như lửa nóng có đặc tánh làm phỏng da, tiết lạnh đến mức độ nào thì làm đông nước, nhưng cũng có người có thể đi trên lửa mà không bị phỏng mà cũng có người khỏa thân ngồi trên tuyết lãnh sơn mà không sao. Những người trồng hoa chuyên nghiệp có thể tạo những cảnh vườn tuyệt đẹp với các loại hoa trái mùa, người luyện phép du đã (yoga) có thể dùng oai lực thần bí nâng cao một vật nặng.

Định luật thuộc về phần tâm linh cũng như máy móc như các định luật khác, nghĩa là cũng tác động một cách hồn nhiên, tự động, vô ý thức, không cần kích thích, không tùy thuộc nơi ý muốn nào bên ngoài. Khi nhân đã gieo thì, do Nghiệp Báo, quả phải trở.

Công phu tu tập trong Phật Giáo nhằm mục đích kiểm soát tâm, và sự kiểm soát này có thể thực hiện được nhờ hiểu biết chân chánh và tư tưởng trong sạch. Luật nhân quả tác động một cách rất máy móc. Khi Nghiệp quá nặng thì dầu con người có muốn cũng không thể sửa đổi hậu quả nghiêm khắc của nó. Nhưng trong những trường hợp ấy cũng vậy, Chánh Kiến là tác ý trong sạch có thể sửa chữa phần nào cái Nghiệp. Trong một giới hạn nào Nghiệp lãnh có thể làm dịu bớt quả dữ.

Định luật nhân quả thật phức tạp. Chỉ có Đức Phật mới thấu hiểu được cội nguồn của nó.

Mục tiêu tối hậu của người Phật tử là tận diệt Nghiệp.

-ooOoo-

Chú thích:

[1] Sanskrit là Karma.

[2] Đại tá Ingersol viết như sau về văn hào trứ danh nước Anh, ông Shakespeare. "Cha lẫn mẹ ông Shakespeare đều không biết đọc biết viết. Ông Shakespeare trưởng thành trong một làng bé nhỏ giữa những người dốt".

[3] *Kamassaka manava satta, Kammadayada, Kammayoni, Kammabandhu, Kammapatisarana, Kamma satte vibhajati yadidam hinappanitataya'ti.* (Majjhima Nikaya, Trung A Hàm, bài kinh Cullakammavibhanga Sutta, số 135).

Xem lời giải đáp của Đại đức Nagasena cho Vua Milinda về vấn đề này. (Warren, Buddhism in Translation, trang 214).

[4] Về sự báo ứng của nghiệp, khi đề cập đến mối tương đồng giữa nhân và quả (nhân nào tạo quả ấy), Tiên sĩ Crimm có viết như sau:

"Trong tất cả những trường hợp tương tự, ta có thể dẫn chứng dễ dàng rằng định luật tương đồng có tác dụng điều chỉnh và chuyển hướng cho thức tái sanh phù hợp với một tế bào mới. Như người kém lòng từ bi, giết chóc người và vật một cách dễ dàng, đã ôm ấp dưỡng nuôi sâu kín trong lòng bản tánh sát sanh.

"Người ấy sẽ không ngăn ngại và lắm khi cũng lấy lòng thỏa thích mà giết một sanh mạng, tức là cắt đứt một sự sống của một chúng sanh, hay nói cách khác, là thu ngắn đời sống của một chúng sanh. Tức nhiên mầm giống có khuynh hướng sát sanh, mầm giống có bản tánh thu ngắn đời sống, thấm nhuần trong người ấy và đến lúc chết, do định luật tương đồng, bị hấp dẫn đến một cảnh giới cũng có những khuynh hướng tương tự, và trong cảnh giới ấy đương nhiên đời sống bị thu ngắn lại. Cùng một thể ấy, người có tâm ác, vui thích trong việc hành hạ chúng sanh và làm cho kẻ khác đau đớn tột nguyên cũng nuôi sâu kín trong lòng mầm giống hung ác ấy. Khi chết - do định luật tương đồng, cái gì giống nhau có sức hấp dẫn lẫn nhau, xấu hút xấu, tốt hút tốt - tâm ác sẽ bị thu hút đến những cảnh giới cũng hung ác như vậy, với năng lực tạo nên một thân thể xấu xa dị tướng.

"Một người có tánh nóng giận hằng kích thích những mầm giống có tính chất làm cho sắc diện trở nên xấu xa. Vì đời sắc diện là đặc tánh của sự giận dữ.

"Người nào có tánh ganh tỵ, keo kiệt, kiêu hãnh, hằng tích trữ những mầm chất thù hận, ác cảm, khinh rẻ kẻ khác, những khuynh hướng khai triển mầm giống tương xứng với cảnh nghèo khổ v.v...

"Đó dĩ nhiên, chỉ là hậu quả của nghiệp đã tạo trong quá khứ, có thể thay đổi tánh nam hay tánh nữ, như kinh Digha Nikaya, Trường A Hàm, số 21 có thuật rằng Gopiksa, vì bà rất ghét tâm tánh đàn bà và do đó tự tạo cho mình một bản tánh đàn ông". The Doctrine of the Buddha, trang 191.

[5] Digha Nikaya, Trường A Hàm, iii, trang 112, số 30.

[6] The Expositor, trang 65, chương 87.

[7] Xem Compendium of Philosophy, trang 191, Manual of Abhidhamma, tác giả Narada Thera.

[8] Hành động bằng thân, khẩu hay ý.

[9] Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, trang 173; Gradual Sayings; Phần i, trang 157.

[10] Xem Abhidhammavata, trang 54. Bà Rhys Davids, Buddhism, trang 119.

2. Nghiệp là gì?

"Tác ý là Nghiệp" -- Tăng Nhứt A Hàm

Nghiệp (Kamma)

Kamma, Nghiệp, theo đúng nghĩa của danh từ, là hành động, hay việc làm. Định nghĩa cùng tốt của Nghiệp là **Tác ý** (cetana). Tư tưởng, lời nói, việc làm, thường khởi xuất do "ý muốn làm" tạo động cơ. Phật Giáo gọi ý muốn làm ấy là Tác ý (cetana). Tất cả những hành động có tác ý, dấu biểu hiện bằng thân, khẩu, hay ý, đều tạo Nghiệp. Tất cả những hành động có tác ý, thiện hay bất thiện, đều tạo Nghiệp. Những hành động không có chủ tâm, mặc dầu đã biểu hiện bằng lời nói hay việc làm, đều không tạo Nghiệp.

Đức Phật dạy: *"Nầy hỡi các Tỳ Khuru, Như Lai xác nhận rằng chính Tác ý là Nghiệp. Do có ý muốn mới có hành động, bằng thân, khẩu hay ý [1]"*.

Ngoại trừ những hành động của chư Phật và chư vị A La Hán, mỗi hành động có tác ý đều gọi là Nghiệp. Mặc dầu chư Phật và chư vị A La Hán vẫn còn chịu ảnh hưởng của những nhân đã gieo trong quá khứ, các Ngài không còn tạo Nghiệp mới nữa vì các Ngài đã thoát ra ngoài cái lành và cái dữ, đã tận diệt vô minh và ái dục là hai nguồn gốc của Nghiệp. Ratana Sutta (Tam Bảo Kinh) ghi rằng: "Mâm giống (Khina-bija) đã bị tận diệt, những ham muốn vị kỷ không còn khởi sanh."

Như vậy không có nghĩa là chư Phật và chư vị A La Hán sống một cách thụ động. Các Ngài luôn luôn tích cực hoạt động để tạo an lành hạnh phúc cho chúng sanh. Hành động của các ngài, thường được coi là thiện, không có năng lực tạo Nghiệp. Am hiểu tận tường thực tướng của vạn pháp, các Ngài phá tan mọi thăng trầm (kiết sử) trôi buộc chúng sanh trong vòng luân hồi, những chuỗi dài nhân và quả.

Một vài hệ thống tín ngưỡng cũng nhìn nhận rằng mọi chênh lệch trong xã hội đều do Nghiệp, nhưng khi đề cập đến Nghiệp, lại chủ trương rằng mọi hành động, có tác ý hay không, đều tạo Nghiệp.

Theo chủ trương ấy, một người giết cha, giết mẹ dẫu cố tâm hay vô ý, đều phạm trọng tội như nhau. Cũng như đôi với lửa, dẫu vô tình hay cố ý thọc tay vào lửa thì phải bị phỏng như nhau, không hơn không kém.

Lập luận như vậy dĩ nhiên sẽ đưa đến một định thức phi lý. Đứa bé trong bào thai, vô tình làm cho mẹ đau đớn, hay bà mẹ vô ý làm đau đứa con trong lòng mình, hẳn cũng tạo Nghiệp bất thiện? Vả lại, nêu ra một sự kiện để giải thích một sự kiện tương tự, như trường hợp của người thọc tay vào lửa và một người hành động ác là một luận cứ không thể đứng vững. Thí dụ, theo luận điệu trên, nếu ông A sai ông B đi giết người, thì chính ông B phạm tội sát nhân mà ông A thì không sao cả, vì chỉ có ông B là người "thọc tay vào lửa". Hơn nữa, cũng theo luận điệu trên, một hành động ác không có tác ý có thể còn tai hại hơn một hành động ác có tác ý. Nói cách khác, cố ý làm ác bị hại ít hơn là vô tình, vì theo ví dụ người thọc tay vào lửa, biết rằng lửa nóng người cố tâm tất phải dè dặt hơn nên ít bị nóng. Người vô tình, vì không định ý trước, không kịp ngăn ngừa, ắt bị phỏng nhiều hơn. [2]

Trong sự báo ứng của Nghiệp, **Tâm là yếu tố tối quan trọng**. Tất cả những việc làm, lời nói và tư tưởng đều do tâm ảnh hưởng. "Khi không điều phục được tâm tức nhiên không thể kềm chế được việc làm, lời nói, và tư tưởng. Điều phục tâm tức kềm chế thân, khẩu, ý." [3]

"Chính tâm dẫn dắt thể gian, chính tâm lôi kéo thể gian; và tất cả mọi người đều làm chủ cái tâm."

Kinh Pháp cú có câu:

"Tâm dẫn đầu mọi hành động. Tâm là chủ. Tâm tạo tác tất cả. Nếu nói hay làm với tâm ác thì do đó, đau khổ sẽ theo liền với ta như bánh xe lăn theo dấu chân con bò kéo xe." (câu 2)

Ta có thể thắc mắc vì sao một vật vô hình như tâm lại có thể gây ra những xáo trộn cho thể gian vật chất. Thật ra không có gì khó hiểu. Chính các bộ máy cực kỳ hùng mạnh và có khả năng làm đảo lộn thể gian hiện đại chỉ là sản phẩm của những bộ óc phong phú.

Cái tâm vô hình tạo nên tất cả những tác động báo ứng của Nghiệp.

Nghiệp không nhất thiết chỉ là những hành động trong quá khứ, mà bao trùm quá khứ và hiện tại. Như vậy, nói một cách, chúng ta như thể nào trong hiện tại là tùy thuộc trong quá khứ chúng ta đã hành động như thế nào, và trong tương lai chúng ta sẽ hành động như thế nào tùy thuộc nơi hành động của chúng ta như thế nào trong hiện tại. Hiểu một cách khác nữa, ta phải thêm rằng trong hiện tại chúng ta như thế nào không hoàn toàn bởi vì trong quá khứ ta đã như thế và trong tương lai chúng ta sẽ như thế nào cũng không hoàn toàn tùy thuộc nơi chúng ta như thế nào trong hiện tại.

Hiện tại chắc chắn là con đẻ của quá khứ, đồng thời cũng là mẹ sanh của tương lai.

Nhưng trong sự báo ứng vô cùng phức tạp của Nghiệp, ta không thể nhìn vào hiện tại mà quá quyết quá khứ và tương lai. Thí dụ như tên cướp sát nhân ngày hôm nay có thể là một người hiền như bậc thánh nhân ngày mai. Một người hiền lương đạo đức ngày hôm qua có thể hôm nay trở nên hư hèn hung dữ.

Lời mẹ dạy con: "Nếu con ngoan sẽ được mẹ cưng và con sẽ vui vẻ. Nếu con không ngoan mẹ sẽ không cưng và con sẽ buồn" là giáo lý Nghiệp Báo.

Cái gì giống nhau thu hút lẫn nhau. Tốt đem lại tốt, xấu đem lại xấu. Đó là định luật Nhân Quả.

Tốt tất, Nghiệp Báo là định luật Nhân Quả trong lĩnh vực luân lý hay như người phương Tây thường nói, là "ảnh hưởng của hành động".

Nghiệp và Quả (Kamma và Vipaka)

Nghiệp là hành động. Quả là phản ứng của hành động ấy. Nói cách khác, Quả (Vipaka) là hậu quả của hành động. Cũng như mỗi vật đều dính liền với cái bóng của nó, mỗi hành động có tác ý (cetana) đều dính liền với quả. Nghiệp có thể ví như một cái hạt có khả năng trở thành cây. Quả như trái cây. Lá, hoa các thứ là những sự khác biệt bên ngoài như sức khỏe, sự thịnh vượng, sự giàu sang, sự bệnh hoạn và những điều bất hạnh trong đời sống vật chất mà không ai tránh khỏi.

Nói một cách chính xác, Nghiệp và Quả đều tùy thuộc nơi Tâm. Hành động (Nghiệp) và hậu quả của hành động ấy (Quả) đều do Tâm tạo nên. Vì Nghiệp có thể tốt hay xấu, Quả có thể lành hay dữ.

Nếu hành động thuộc về tâm thì quả cũng thuộc về tâm. Lắm khi ta nghe an vui hạnh phúc, khoan khoái trong lòng, hay buồn bực đau khổ v.v... đó là đang thọ Quả thuộc về tâm. Quả trở sanh tốt hay xấu tùy theo Nhân gieo tốt hay xấu.

Trong phạm vi vật chất, Anisamsa là những phước lành như giàu sang, khỏe mạnh, tuổi thọ v.v..., Adinava là những tội khổ như bần cùng, xấu xí, bệnh tật, yếu tử v.v... Nghiệp là những tâm thiện và bất thiện tại thế (Kusala akusala lokiya citta) và Quả (Vipaka) là những loại tâm Quả tại thế (lokiya vipaka citta).

Theo Vi Diệu Pháp [4], Nghiệp gồm 12 loại tâm bất thiện và 8 loại tâm thiện thuộc Dục Giới (kamavacara), 5 loại tâm thiện thuộc Sắc Giới (rupavacara) và 4 loại tâm thiện thuộc Vô Sắc Giới (arupavacara). Tổng cộng là 29 tâm tại thế (lokiya citta).

Ngoài ra, 8 loại tâm siêu thế (lokuttara citta) không thể coi là Nghiệp vì các loại tâm ấy có khuynh hướng diệt Nghiệp.

Động cơ của tất cả các loại tâm tại thế là Tác ý (cetana), trái lại, yếu tố chánh yếu trong các loại tâm siêu thế là Trí tuệ (panna).

9 loại tâm thiện thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới (5 thiện Sắc Giới và 4 thiện Vô Sắc Giới) hoàn toàn thuộc về tâm, không biểu hiện dưới hình thức việc làm và lời nói như 20 loại tâm thuộc Dục Giới.

Mọi hành động đều do tâm. Chính tâm biểu hiện bằng thân, khẩu hay ý.

Tất cả 29 loại tâm kể trên (12+8+5+4) đều được gọi là Nghiệp vì các loại tâm ấy có khả năng tạo Quả một cách tự động, không cần trợ lực của yếu tố nào từ bên ngoài.

Vui, buồn, hạnh phúc hay đau khổ, hậu quả dĩ nhiên phải có của các loại tâm thiện hay bất thiện, gọi là tâm Quả thuộc Dục Giới. Năm loại tâm Quả thuộc Sắc Giới và 4 loại tâm Quả thuộc Vô Sắc Giới đều là hậu quả đương nhiên của Nghiệp.

Đã gieo nhân tức phải gặt Quả, lúc này, nơi này, hay lúc khác, nơi khác, ở kiếp hiện tại hay trong kiếp vị lai. Ngày hôm nay ta gặt hái những gì chính ta đã gieo trong hiện tại hay trong quá khứ.

Trong bộ Samyutta Nikaya, Tập A Hàm, có những lời dạy như sau:

"Đã gieo giống nào,
Sẽ gặt quả nấy.
Hành thiện sẽ thu gặt quả lành.
Hành ác sẽ thu gặt quả dữ.
Hãy gieo giống tốt,
Ta sẽ hưởng quả lành. [5]"

Nghiệp Báo tự nó là một định luật có hiệu lực trong một phạm vi riêng biệt, không chịu ảnh hưởng của tha lực nào từ bên ngoài đưa vào.

Khả năng trở Quả đã dính liền với Nghiệp. Trong hành động (bằng thân, khẩu, ý) đã có tiềm tàng năng lực tạo Quả, cũng như trong hạt đã có tiềm tàng tạo nên cây và sanh ra trái. Nhân sanh Quả, Quả giải thích Nhân. Hạt sanh trái, thấy trái ta biết hạt như thế nào. Sự liên quan giữa hạt và trái cũng như giữa Nghiệp và Quả. "Trong Nhân đã có sẵn mầm giống của Quả."

Hạnh phúc và đau khổ, thường xảy đến cho nhân loại, là Quả phải có, trở sanh do những nhân nào. Phật Giáo không chủ trương có sự thưởng phạt do một oai lực siêu phàm toàn tri, toàn năng, tối thượng ban bố cho những linh hồn đã làm lành hay gây dữ. Thuyết Duy Thần cổ giải thích mọi việc bằng kiếp sống trường cửu trong tương lai mà không biết đến quá khứ. Thuyết Duy Thần tin rằng linh hồn của người chết sẽ trải qua một cuộc phán xét và xem những phước báu và tội khổ trong đời hoàn toàn do ý muốn của một Tạo Hóa Tối Thượng, ngự trên một

cánh trời nào đó, tạo ra càn khôn vạn vật và trọn quyền định đoạt số phận của nhân loại, vật do mình tạo ra.

Phật Giáo không nhìn nhận có một linh hồn trường cửu, được tạo nên một cách ngẫu nhiên và độc đoán. Phật Giáo tin có định luật và công lý thiên nhiên, không phải một đấng Thượng đế toàn năng hay một Đức Phật đại từ đại bi tạo nên. Theo định luật và công lý thiên nhiên ấy thì mỗi hành động đều gây nên một phản ứng tương xứng mà người đời thường lầm tưởng là sự ban thưởng hay hình phạt.

Một vài người dựa theo nhận thức riêng của mình cho rằng thuyết Nghiệp Báo trong Phật Giáo là một loại nha phiến để xoa dịu và ru ngủ người xấu số bằng luận điệu như sau:

"Bây giờ anh phải chịu khó nghèo khổ vì đã tạo Nghiệp xấu trong quá khứ. Anh kia được giàu sang vì anh ấy tạo Nghiệp tốt. Như vậy, hãy cam tâm chịu lấy số phận nghèo đói của anh và cố gắng tạo Nghiệp tốt trong hiện tại để được giàu sang trong kiếp tới.

"Trong kiếp này anh bị hà hiếp bóc lột vì đã tạo Nghiệp xấu trong quá khứ. Hãy nhận lãnh số phận hẩm hiu ấy và nhẫn nại cam tâm chịu khổ. Từ nay hãy ăn hiền ở lành, chắc rằng kiếp sau anh sẽ được giàu sang hạnh phúc."

Đức Phật không hề dạy như vậy. Thuyết Nghiệp Báo trong Phật Giáo cũng không bao giờ chấp nhận một cuộc phán xử sau kiếp sống. Đức Phật vị tha, từ bi vô lượng vô biên, truyền dạy Nghiệp Báo không phải để bảo vệ người giàu sang và an ủi người nghèo khổ bằng cách hứa hẹn hạnh phúc huyền ảo trong tương lai.

Theo lý Nghiệp Báo, chúng ta không nhất định phải bị trói buộc trong hoàn cảnh nào, vì Nghiệp Báo không phải là số mạng, cũng không phải Tiền Định do một oai lực huyền bí nào đã định đoạt cho ta một cách bất khả kháng. Chính hành động thiện hay ác của ta gây phản ứng lành hay dữ. Do đó chúng ta hoàn toàn tự do tạo ra những phản ứng mới để hòa dịu Nghiệp lực. Chúng ta có đủ năng lực để chuyển phần nào cái Nghiệp của chúng ta theo ý muốn. Chuyển đến mức độ nào chỉ tùy nơi ta.

Như vậy chúng sanh không bị bắt buộc phải gặt hái trọn vẹn những gì đã gieo. Trong một tình trạng nào đó và trong một giới hạn nào đó, với sự cố gắng chánh đáng, ta có thể sửa đổi cái Nghiệp của ta.

Nguồn Gốc của Nghiệp

Vô minh (avijja) hay không hiểu biết thấu đáo thực tướng của sự vật là nguyên nhân chính tạo ra Nghiệp. Trong Thập Nhị Nhân Duyên (Paticca Samuppada) có câu:

"Tùy thuộc nơi Vô Minh, Hành phát sanh" (avijja paccaya samkhara)."

Vì không am hiểu chân tướng của vạn pháp nên mới có những hành động tạo Nghiệp.

Ái dục (Tanha) - đi liền với Vô Minh - là một nguyên nhân khác tạo duyên sanh ra Nghiệp. Chính Vô Minh và Ái Dục là cội rễ của mọi tội ác. Tất cả những hành động của hạng phàm nhân (puthujjana, là những chúng sanh còn trong tam giới) mặc dầu bắt nguồn từ ba căn trong sạch là bố thí (alobha, không tham), từ bi (adosa, không sân) và trí tuệ (amoha, không si) vẫn còn tạo Nghiệp, vì chưa tận diệt Vô Minh và Ái Dục. Trái lại, những loại tâm siêu thế (maggacitta, đạo tâm) không tạo Nghiệp vì bản chất của các loại tâm ấy có khuynh hướng tận diệt Vô Minh và Ái Dục.

Người Tạo Nghiệp

Ai tạo Nghiệp? Ai gặt quả? "Nghiệp có phải là một sự tích trữ trong linh hồn không?"

Để trả lời câu hỏi tế nhị ấy, Đại Đức Buddhaghosa viết như sau trong sách Visuddhi Magga (Thanh Tịnh Đạo):

"Không có người tạo Nghiệp.

"Không có người gặt quả,

"Chỉ có những thành phần cầu tiến mãi mãi (chỉ có sự vận chuyển của pháp hành).

"Đó là nhận thức chân chánh. [6]"

Theo Phật Giáo, có hai thực thể. Thực thể biểu hiện ra bề ngoài và thực thể cùng tốt. Thực thể bề ngoài là những chân lý mặc ước, hay Tục đế (sammuti sacca). Thực thể cùng tốt là chân lý trừu tượng, tuyệt đối, cùng tốt, hay Chân đế (paramattha sacca). Thí dụ như cái bàn, cái quạt, con người, con vật v.v... là những thực thể biểu hiện ra ngoài mà ngũ quan ta có thể cảm nhận. Bằng một cách mặc ước, chúng ta đồng ý chấp nhận danh từ bàn, quạt, người, vật v.v... để chỉ những vật ấy. Vậy bàn là thực thể bề ngoài, chân lý mặc ước, tục đế.

Nhưng nếu phân tách cái bàn, ta thấy rằng cái mà ta gọi là bàn chỉ là sự kết hợp của những tế bào, và tế bào chỉ là sự kết hợp của những năng lực và tánh chất. Vậy, phân tách đến mức cùng tốt, vật chất chỉ là sự cấu thành của những năng lực và tánh chất. Năng lực và tánh chất ấy là thực thể cùng tốt, chân lý tuyệt đối, chân đế.

Khi nói chuyện với mọi người, nhà bác học gọi nước là nước. Nhưng trong phòng thí nghiệm, nhà bác học gọi nước là H₂O. Nước là danh từ mặc ước, chế định, phổ thông. H₂O là danh từ chuyên môn, là thực thể tuyệt đối.

Cùng một thể ấy, trong những câu chuyện thông thường, ta dùng danh từ mặc ước như đàn ông, đàn bà, chúng sanh v.v... Những cái được gọi là hình sắc ấy, khi được phân tách tỉ mỉ cho thấy rằng chỉ là những thành phần tâm-vật-lý luôn luôn biến đổi, không thể tồn tại y hệt trong hai khoảnh khắc kế tiếp.

Như vậy, Phật Giáo không tin rằng có một thực thể đơn thuần như một người hay một linh hồn vĩnh cửu, hành động ngoài sự hành động, tri giác ngoài sự tri giác, hay ý thức một việc ngoài ý thức. Nói cách khác, Phật Giáo chủ trương có sự hành động mà không có người hành động, có sự tri giác mà không có người tri giác, có thức mà không có người ý thức.

Vậy thì ai tạo Nghiệp và ai gặt Quả?

Tác ý (cetana) hay ý muốn, làm động cơ phát xuất hành động (bằng thân, khẩu, ý), là người tạo người Nghiệp. Thọ (vedana), cảm giác, là người gặt Quả. Ngoài hai tâm sở "tác ý" và "thọ", không có người tạo Nghiệp cũng không có người gặt Quả.

Đại Đức Buddhaghosa dạy rằng khi những thành phần vật chất phối hợp lại, cấu thành cái gọi là cây, một ngày nào và ở một điểm nào, và trở ra trái, thì ta nói "cây sanh trái" hay "cây trở trái". Cùng dường thế ấy, năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) phối hợp lại, cấu thành cái gọi là trời hay người và, một ngày nào, quả lành hay quả dữ thô sanh thì ta nói rằng vị trời hay người ấy có phước hay vô phước.

Về điểm này Phật Giáo cũng đồng quan điểm với giáo sư William James khi giáo sư bác bỏ luận cứ của Descartes và chủ trương rằng:

"Chính tư tưởng là người tư tưởng. [7]"

Nghiệp ở đâu?

Một nhà phân tích tâm linh như sau viết như sau:

"Nghệp được tích trữ bên trong phần tâm linh, nhưng thông thường chỉ có một số ít người tìm ra và xâm nhập được vào thâm cung bí hiểm của tâm linh ấy. Nghệp là sự thấu nhận trọn vẹn tất cả những kinh nghiệm đã trải qua, những cảm giác đã thọ, những ảnh hưởng đã thâm nhiễm của một cá nhân. Tiềm thức không phải chỉ trung thực ghi nhận những kinh nghiệm cá nhân mà còn giữ lại những cảm xúc và những khuynh hướng sơ khởi và - mặc dầu hình như suy giảm dần trong con người văn minh dưới lớp lễ nghi hình thức của xã hội - vẫn còn tiềm lực mạnh mẽ có thể bộc phát một cách bất ngờ với một năng lực hùng hậu không thể đoán trước được."

Người Phật tử cũng nhận định như vậy, nhưng với một ý niệm sửa đổi căn bản khác biệt.

Phật Giáo chủ trương rằng cái Nghiệp không được tàng trữ trong một nơi nào gọi là tâm linh, bởi vì không có chi chứng minh rằng có một nơi nào trong guồng máy phức tạp và luôn luôn biến đổi con người có thể làm nơi chứa đựng như một kho tàng.

Tuy nhiên, mỗi kinh nghiệm, mỗi cảm giác, mỗi ảnh hưởng đã ghi nhận, mỗi đặc tính, phẩm hay thánh, của một số cá nhân đều được phát triển tùy sự biến đổi liên tục của những hiện tượng tâm-vật-lý của cá nhân ấy như một dòng suối luân lưu bất tận.

Tóm tắt, tất cả nghiệp lực đều tùy thuộc nơi sự biến đổi của luồng tâm lực (citta santati) và luôn luôn sẵn sàng phát hiện trong muôn ngàn hiện tượng, mỗi khi có cơ hội.

Một hôm Vua Milinda hỏi Đại Đức Nagasena:

-"Kính bạch Đại Đức, Nghiệp được tích trữ ở đâu?"

- Tâu Đại vương, ta không thể nói Nghiệp được tích trữ ở một nơi nào trong cái tâm luôn luôn biến đổi, hay ở một nơi nào khác trong thân thể con người. Nhưng tùy thuộc nơi danh và sắc, Nghiệp khởi hiện trong một lúc thích ứng. Cũng như ta không thể nói trái xoài được tích trữ ở nơi nào trong cây xoài nhưng, tùy thuộc nơi cây xoài và khi đầy đủ cơ duyên, nó sẽ trở ra đúng lúc, đúng mùa. [8]"

Cũng như ta không thể nói gió hay lửa nằm ở nơi nào nhất định, ta không thể quả quyết Nghiệp được chứa đựng trong hay ngoài thân.

Nghệp là một năng lực cá biệt được chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Nghệp thủ một vai trò quan trọng trong việc cấu tạo tâm tánh con người. Nghệp giải thích những hiện tượng kỳ diệu mà ta gọi là vĩ nhân, thiên tài, thần đồng v.v... Một sự hiểu biết rành mạch về định luật Nghiệp Báo là điều kiện chánh yếu khả dĩ tạo tình trạng an lành hạnh phúc cho thế gian.

-ooOoo-

Chú thích:

[1] Anguttara Nikaya, iii, 415; The Expositor phần I, trang 117; Atthasalinī, trang 88.

[2] Xem Poussin, "The Way to Nirvara", trang 68.

[3] Atthasalinī, trang 63; The Expositor, phần I, trang 91.

[4] Xem Compendium of Philosophy; Abhidhammattha Sangaha, Ch. 1; Manual of Abhidhamma, Ch. 1.

[5] Quyển 1, trang 227. Kindred Sayings, phần I, trang 293.

[6] Quyển II, trang 602. Xem Warren, Buddhism in Translation, trang 248. The Path of Purity, chương iii, trang 728.

Kammaṣa karako natthi - vipakassa ca vedako; Suddhadhamma pavattanti - evetaṃ samma dassanaṃ.

[7] Psychology, trang 216.

[8] Visuddhi Magga, Thanh Tịnh Đạo, chương XVII.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Phần I](#) | [Phần II](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 09-2002).

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 18-09-2002

LÝ NHÂN QUẢ

Nàrada Mahà Thera
Phạm Kim Khánh dịch

(Trích "Đức Phật và Phật Pháp", Chương 18-21)

-II-
(tiếp theo)

3. Sự báo ứng của Nghiệp

"Chính Nghiệp dẫn dắt thế gian này"
-- Atthasalini

Sự báo ứng của Nghiệp là một tiến trình vô cùng phức tạp mà chỉ có Đức Phật mới có thể am tường thấu đáo. Để nhận thức phần nào vấn đề khó khăn ấy, ta cần phải biết lịch trình tiến triển của dòng tư tưởng (citta vithi).

Tâm, hay thức, phần tinh túy của cái được gọi là chúng sanh, đóng vai trò tối quan trọng trong guồng máy phức tạp của con người. Chính tâm làm cho ta trong sạch, cũng chính tâm làm cho ta ô nhiễm. Trong thực tế, tâm là người thù nguy hiểm nhất mà cũng là người bạn chí thân của con người.

Khi ngủ say, không chiêm bao mộng mị, tâm của ta ở trong một trạng thái ít nhiều tiêu cực, tương tự như trạng thái tâm của người vừa chết, hay lúc được thọ thai. Danh từ Phật Giáo gọi loại tâm ấy là **Bhavanga**, hay yếu tố của đời sống. Bhavanga cũng có nghĩa là nguyên do tối cần, hay điều kiện tối cần để tồn tại. Phát sanh và hoại diệt từng khoảnh khắc, luồng Bhavanga trôi chảy như một dòng suối, luôn luôn biến đổi, không khi nào giống hệt nhau trong hai刹那 tư tưởng kế tiếp.

Không phải chỉ lúc ngủ mê không nằm mộng ta mới có loại tâm Bhavanga, mà lúc thức cũng có. Trong đời sống, ta có loại tâm ấy nhiều hơn tất cả những loại tâm khác. Do đó Bhavanga là điều kiện tối cần thiết cho đời sống.

Có vài học giả cho rằng Bhavanga đồng nghĩa với tiềm thức. Theo Tự Điển Triết Học [1], tiềm thức là một ngăn trong tâm mà vài tâm lý gia và triết gia cho rằng ngăn ấy nằm cạnh phía dưới ngưỡng cửa của thức.

Theo các triết gia tây phương, tiềm thức và thức cùng tồn tại trong cùng một lúc [2]. Nhưng theo Phật Giáo, hai loại tâm không thể tồn tại trong cùng một lúc.

Bhavanga không phải là một "hạ tầng cảnh giới" cũng không như "tâm cao thượng" của F.W. Myer. Hình như trong tất cả nền triết học Âu Tây, không có khoảng nào đề cập đến cái gì như Bhavanga.

Bhavanga là yếu tố chánh yếu duy trì cuộc sống. Danh từ gần Bhavanga nhất có lẽ là "Liên Tục Sinh Tồn", có nơi gọi là "**Luồng Hộ Kiếp**", vì nó là điều kiện tất yếu cho kiếp sống sinh

tồn.

Nếu không bị ngoại cảnh xâm nhập, như lúc ngủ say không mộng mị, thì những chấp tư tưởng Bhavanga liên tục nối tiếp như dòng nước. Khi có một đối tượng xuất hiện - vật chất hay tinh thần - thí dụ như một hình sắc, thì luồng Bhavanga rung động trong hai chấp tư tưởng, rồi tắt. Lúc luồng Bhavanga vừa tắt thì "ngũ môn hướng tâm" hay "ngũ khai môn" (pancadvaravajjana) phát sanh và hoại diệt. Tác động của tâm này là hướng về đối tượng, trong trường hợp này đối tượng là hình sắc. Tức thì, nhãn thức (cakkhu-vinnana) thấy đối tượng, nhưng chưa biết gì. Kế đó là "tiếp thọ tâm", hay "tâm tiếp thụ" (sampaticchana). Tiếp theo là "suy đặc tâm" (santirana) quan sát, dò xét đối tượng. Rồi "xác định tâm" (votthapana) phân biệt, lựa chọn, thu nhận hay loại bỏ. Đến đây là vai trò của tự do ý trí. Do nơi chấp tư tưởng quyết định, phát sanh tiến trình Javana, một giai đoạn tối quan trọng, vì chính ở giai đoạn này hành động thiện hay bất thiện biểu hiện. Chính Nghiệp được tạo nên trong giai đoạn này.

Nếu quyết định chánh đáng (yoniso manasikara) thì tạo thiện nghiệp. Nếu quyết định sai lầm (ayoniso manasikara) thì tạo bất thiện nghiệp. Mặc dầu đối tượng có đáng được ưa thích hay không, ta vẫn có thể tạo một tiến trình Javana thiện hay bất thiện theo ý muốn. Thí dụ như khi gặp người thù nghịch, tức nhiên là sự giận dữ phát sanh ngoài ý muốn của ta. Nhưng bậc thiện trí thức có thể chế ngự tâm mình, thay vì nổi giận, rải tâm Từ đến người ấy. Vì lý do đó mà Đức Phật dạy:

"Làm ác do ta.

Làm cho ta như bản do nơi ta.

Không làm ác do ta.

Làm cho ta trong sạch cũng do nơi ta.

Cả hai, như bản và trong sạch, chỉ tùy thuộc nơi ta.

Không ai khác có thể làm cho ta trong sạch. [3]"

Dĩ nhiên là trong đời sống, tư tưởng của ta bị rất nhiều yếu tố bên ngoài chi phối như giới thân cận, tập tục, lễ nghi v.v... Trong những trường hợp ấy thì tự do ý trí cũng bị lũng đoạn. Tuy nhiên, dầu ở trường hợp khó khăn nào, ta cũng có đủ khả năng dùng tự do ý chí vượt qua các áp lực bên ngoài và tạo những tư tưởng thiện hay bất thiện. Một người thân cận có thể là yếu tố có nhiều ảnh hưởng, nhưng chính ta phải chịu trách nhiệm về tất cả các hành động của ta và chỉ có hành động của ta mới theo sát ta như bóng với hình.

Javana là một Phạn ngữ rất khó chuyển dịch ra ngôn ngữ khác. Vài học giả dịch là "trực cảm". Danh từ "**xung lực**" đôi khi cũng được dùng. Trong quyển sách này, Phạn ngữ Javana được giữ nguyên vẹn.

Theo đúng nguyên căn, Javana có nghĩa là chạy, bởi vì trong tiến trình tâm, mỗi loại thường phát sanh trong một, hai, hay ba chấp tư tưởng, chỉ có tâm Javana phát sanh liên tiếp trong bảy chấp lúc bình thường và năm chấp khi lâm chung, và tất cả bảy chấp đều cùng chung một đối tượng. Những tâm sở phát sanh trong bảy chấp tư tưởng ấy đều giống hệt nhau, nhưng năng lực thì không đồng đều, có chấp mạnh có chấp yếu hơn.

Tiến trình tâm (citta vithi), hay lộ trình tiến triển của một tư tưởng, một thời gain cực nhỏ, chấm dứt bằng "đăng ký tâm" hay "tâm ghi nhận" (tadalambana) trong hai chấp. Như vậy, trọn lộ trình tư tưởng có tất cả mười bảy chấp.

Kinh sách thường diễn tả lịch trình tiến triển của tâm như sau:

"Người kia nằm dưới gốc cây xoài, lấy khăn trùm đầu lại, ngủ mê. Một ngọn gió thổi qua làm rung động nhánh cây và một trái xoài rụng xuống cạnh bên đầu anh chàng đang ngủ. Anh tung khăn ra và hướng tâm mắt về phía có tiếng động. Thấy một vật, anh cảm lên, quan sát và nhận

ra đó là một trái xoài. Anh há miệng cắn, và nuốt cùng với nước miếng. Xong, nằm xuống ngủ lại."

Trong câu truyện, giấc ngủ say là luồng Bhavanga yên tĩnh trôi chảy. Ngọn gió thoảng qua cây xoài là tâm "Bhavanga vừa qua" (atiti Bhavanga). Nhánh cây rung động là tâm "Bhavanga rung động" (Bhavanga calana). Trái xoài rung là tâm "Bhavanga dứt vòng" (Bhavanga upaccheda). Hướng về đối tượng là "ngũ môn tâm hướng" (pancadvaravajjana). Thấy đối tượng mà chưa biết gì là "ngũ quan thức" (panca vinnana), trong trường hợp này là nhãn thức. Nhặt lên là "tiếp thọ ". Quan sát là "suy đặc tâm". Nhận định rằng đó là một trái xoài là "xác định tâm". Chính sự thưởng thức trái xoài là tiến trình Javana (7 chấp), và sự nuốt miếng xoài, là "đăng ký tâm". Khi ăn xong trái xoài người kia nằm ngủ lại, là khi trải qua trọn lộ trình thì tâm trở lại trạng thái Bhavanga.

Tóm lại mỗi lộ trình tư tưởng chia làm 17 chấp: 3 chấp Bhavanga, 1 ngũ môn hướng tâm, 1 ngũ quan thức, 1 tiếp thọ tâm, 1 suy đặc tâm, 1 xác định tâm, 7 chấp Javana và 2 chấp đăng ký, như sau:

Chấp tâm	Lộ Trình Tiến Triển Của Một Tư Tưởng
1	Atita Bhavanga (Bhavanga vừa qua)
2	Bhavanga Calana (Bhavanga rung động)
3	Bhavanga Upaccheda (Bhavanga dứt vòng)
4	Pancadvaravajjana (Ngũ môn hướng tâm)
5	Panca Vinnana (Ngũ quan thức)
6	Sampaticchana (Tiếp thọ tâm)
7	Santirana (Suy đặc tâm)
8	Votthapana (Xác định tâm)
9	Javana (Xung lực)
10	
11	
12	
13	
14	
15	
16	Tadalambana (Đăng ký tâm)
17	

Trong 7 chấp tư tưởng của tiến trình Javana, chấp đầu có năng lực tạo Nghiệp yếu nhất nên trở quả trong kiếp hiện tại, gọi là "Hiện Nghiệp" (dittha dhamma vedaniya kamma, nghiệp có hiệu năng tức khắc trong hiện tại). Nếu không trở sanh trong kiếp hiện tại thì quả ấy sẽ tiêu mất, gọi là quả không trở sanh, hay "Nghiệp Vô Hiệu Lực" (Ahoṣi).

Chấp tư tưởng yếu kế đó là chấp thứ 7 của tiến trình Javana. Quả của chấp này trở sanh trong kiếp sống kế liền sau kiếp hiện tại, gọi là "Hậu Nghiệp" (upapaja vedaniya kamma, nghiệp có

hiệu năng liền kế đó). Nghiệp này trở quả kế tiếp theo, cũng tự nhiên trở nên vô hiệu lực nếu không trở sanh trong kiếp kế liền đó.

Quả của 5 chấp tư tưởng còn lại, từ chấp 2 đến chấp 6 của tiến trình Javana, có thể trở sanh bất cứ lúc nào trong vòng luân hồi, từ kiếp kế kiếp hiện tại đến lúc hoàn toàn giải thoát, gọi là "Nghiệp Vô Hạn Định" (aparapariya vedaniya kamma, quả trở sanh trong thời gian vô hạn định).

A. Phân loại theo Thời gian

Như vậy, theo thời gian, Nghiệp có thể được phân loại như sau:

- 1.- Hiện Nghiệp (Dittha dhamma vedaniya kamma), quả trở sanh trong kiếp hiện tại.
- 2.- Hậu Nghiệp (Upapajja vedaniya kamma), quả trở sanh trong kiếp kế kiếp hiện tại.
- 3.- Nghiệp Vô Hạn Định (Aparāpariya vedaniya kamma), quả trở sanh không nhất định lúc nào trong thời gian chưa đắc Quả Niết Bàn.
- 4.- Nghiệp Vô Hiệu Lực (Ahosi Kamma).

Những câu chuyện thí dụ:

Hiện nghiệp

a) Quả lành trở sanh trong kiếp hiện tại.

Hai vợ chồng kia chỉ có một cái áo (choàng theo lối người Ấn). Khi chồng có việc đi đâu, mặc áo, thì vợ phải ở nhà. Nếu vợ đi thì chồng ở nhà. Một ngày kia, chồng đi nghe Đức Phật thuyết pháp, lấy làm thỏa thích, khởi sanh ý muốn dâng lên Đức Phật cái áo duy nhất ấy, nhưng lòng luyến ái cố hữu của con người trở dậy, và một cuộc tranh đấu diễn ra bên trong anh. Sau cùng, tâm bố thí chế ngự lòng luyến ái. Anh hết sức vui mừng, reo lên: "Ta đã chiến thắng, ta đã chiến thắng", và hành động đúng y sở nguyện, dâng cái áo lên Đức Phật.

Câu chuyện lọt đến tai vua. Đức vua lấy làm hoan hỷ, truyền lệnh ban cho anh 32 bộ áo. Người chồng có tâm đạo nhiệt thành ấy lựa ra hai bộ, một bộ cho mình và một bộ cho vợ, còn lại bao nhiêu dâng hết lên Đức Phật. [4]

b) Quả dữ trở sanh kiếp hiện tại.

Một người thợ săn dắt bầy chó vào rừng kiếm thịt, thấy bên đường một vị tỷ khưu đang đi khát thực. Hôm ấy anh đi cả buổi mà không săn được gì, người thợ săn lấy làm bức tức cho rằng vì gặp vị đạo sĩ giữa đường, đó là điềm xấu nên xui xẻo. Lúc trở về lại gặp vị đạo sĩ ấy nữa, người thợ săn nổi giận xua chó cắn, mặc dù vị tỷ khưu kia hết lời năn nỉ van lơn. Không còn cách gì khác nữa, vị tỷ khưu bèn trèo lên cây để tránh bầy chó dữ. Người thợ săn chưa đã nư giận, chạy đến gốc cây, dương cung bắn lên, nhắm bàn chân vị tỷ khưu. Trong lúc sợ hãi mất bình tĩnh và vô cùng đau đớn, vị tỷ khưu đánh rơi cái y của mình xuống, chụp lên đầu và bao trùm lên mình thợ săn. Bầy chó dữ thấy một người đang lúng túng trong bộ y vàng ngỡ là nhà sư đã té xuống nên áp lại cắn xé chủ mình. [5]

Hậu Nghiệp: Quả trở sanh trong kiếp kế liền, sau kiếp hiện tại.

Có người làm công cho nhà triệu phú nọ, một người rằm, sau khi làm việc cực nhọc ngoài đồng, chiều về thấy cả nhà đều thọ bát quan ngày ấy. Mặc dầu chỉ còn có nửa ngày, anh liền xin thọ giới và nhịn đói buổi chiều. Bất hạnh thay, sang hôm sau anh qua đời. Nhờ tâm trong sạch nghiêm trì bát quan trai giới, anh tái sanh lên cõi trời.

Vua Ajatasattu (A Xa Thê), con Vua Bình Xa Vương (Bimbisara), liền sau khi chết, tái sinh vào cảnh khổ vì mang trọng tội giết cha.

Nghiệp Vô Hạn Định: Quả trở sinh bất cứ lúc nào, từ kiếp kế kiếp hiện tại đến lúc giải thoát hoàn toàn.

Không ai có thể lần thoát ra khỏi Nghiệp này. Chư Phật và chư vị A La Hán cũng không thể tránh khỏi quả dữ của những Nghiệp đã gieo trong thời dĩ vãng.

Đức A La Hán Moggallana (Mục Kiền Liên), trong một kiếp quá khứ xa xôi, đã nghe lời người vợ tàn ác âm mưu ám hại cha mẹ [6]. Do hành động sai lầm ấy, Ngài đã trải qua một thời gian lâu trong cảnh khổ và, trong kiếp cuối cùng, bị một bọn cướp giết chết.

Đức Phật bị vu oan là giết chết một nữ tu sĩ theo đạo lửa thê. Kinh sách chép rằng sở dĩ Đức Phật phải chịu tiếng oan như vậy là vì trong một tiền kiếp, Ngài đã thiếu lễ độ với một vị Đức Giác Phật.

Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) toan giết Đức Phật, lăn đá từ trên núi cao làm trầy chân Ngài. Kinh sách chép rằng vào một tiền kiếp xa xôi, Đức Phật đã lỡ tay giết người em khác mẹ trong một vụ tranh chấp tài sản.

B. Phân loại theo Tác động

Theo một lối phân loại khác, căn cứ trên tác động, Nghiệp chia làm bốn:

- 1.- Nghiệp Tái Tạo (Janaka Kamma)
- 2.- Nghiệp Trợ Duyên (Upatthambhaka Kamma)
- 3.- Nghiệp Bồ Đồng (Upapadaka Kamma)
- 4.- Nghiệp Tiêu Diệt (Upaghataka Kamma)

Theo Phật Giáo, chấp tư tưởng cuối cùng của đời sống thật quan trọng, vì trong giờ phút lâm chung, Nghiệp lành hay dữ có năng lực mạnh nhất tạo điều kiện cho sự tái sinh liên kế đó. Nghiệp ấy gọi là Nghiệp Tái Tạo (Janaka Kamma).

Cái chết của một chúng sanh chỉ là sự "sự gián đoạn tạm thời của một hiện tượng tạm thời". Mặc dầu thể xác hiện tại hoại diệt nhưng một hình thể khác sẽ phát sanh thích ứng tùy theo tư tưởng mạnh nhất trong giờ lâm chung, và hình thể sau này không hoàn toàn giống hình thể trước mà cũng không tuyệt đối khác. Thể xác tan rã, nhưng luồng Nghiệp lực vẫn tồn tại. Tiến trình tư tưởng cuối cùng ấy, gọi là "Nghiệp Tái Tạo", quyết định cảnh giới của kiếp sống tới.

Thông thường, tiến trình tư tưởng cuối cùng của một người tùy thuộc nơi phẩm hạnh của người ấy trong đời sống. Tuy nhiên, cũng có trường hợp đặc biệt mà ngoại cảnh tạo cơ hội thuận lợi hay bất lợi, làm cho một người tốt có thể có những tư tưởng xấu, hay người xấu có những tư tưởng tốt lúc thở hơi cuối cùng. Chính chấp tư tưởng cuối cùng ấy tạo điều kiện cho sự tái sinh trong kiếp kế. Trong trường hợp này phẩm hạnh của người kia trong đời sống không đem lại ảnh hưởng nào cho sự tái sinh. Nhưng, như vậy không có nghĩa là quả phải có của những hành động trong quá khứ đã tiêu tan mất. Quả ấy sẽ trở sinh đúng lúc và tương xứng với nhân đã gieo.

Những biến đổi bất ngờ trong lúc tái sinh giải thích vì sao có những đứa con hung dữ, xấu xa, trong một gia đình lương thiện và những người hiền lành đạo đức sanh trưởng trong một gia đình hư hèn tàn ác.

Nghiệp Tái Tạo cũng có thể bị Nghiệp quá khứ chen vào để trợ lực hay để làm suy nhược và ngăn trở. Những ảnh hưởng và duy trì gọi là "Nghiệp Trợ Duyên" (Upatthambhaka Kamma).

Những ảnh hưởng làm suy nhược và ngăn trở gọi là "Nghệp Bồ Đồng" (Upapadaka Kamma).

Theo định luật Nghiệp Báo, khả năng trở quở của Nghiệp Tái Tạo cũng có thể bị một Nghiệp quá khứ khác, nghịch chiều và mạnh hơn, hoàn toàn tiêu diệt một cách bất ngờ, cũng như một chướng ngại vật chặn đứng sức tiến của một làn tên bay đến là rơi mũi tên xuống đất. Ảnh hưởng phản nghịch ấy gọi là "Nghệp Tiêu Diệt" (Upaghataka Kamma). Nghiệp này mạnh hơn hai Nghiệp trên vì chẳng những gây trở ngại mà còn tiêu diệt hoàn toàn năng lực của một Nghiệp khác.

Trường hợp của Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) được sanh trưởng trong hoàng tộc. Nghiệp Trợ Duyên giúp Ngài trưởng thành trong hoàn cảnh tiện nghi, sung túc. Đến khi manh tâm chia rẽ Tăng Già, tạo Nghiệp Bồ Đồng, do Nghiệp này Ngài bị trục xuất ra khỏi Giáo Hội và phải chịu nhục nhã. Sau cùng, Nghiệp Tiêu Diệt dẫn ông vào khổ cảnh.

C. Phân loại theo Báo ứng

Căn cứ trên khả năng báo ứng (vipakadanavasena), Nghiệp có thể phân làm bốn loại:

- 1.- Trọng Nghiệp (Garuka Kamma),
- 2.- Cận Tử Nghiệp (Asanna Kamma),
- 3.- Thường Nghiệp (Acinna Kamma),
- 4.- Tích Trữ Nghiệp (Katatta Kamma).

Loại Nghiệp đầu tiên là "Trọng Nghiệp" (Garuka Kamma), có nghĩa là hành động trọng yếu, nghiêm trọng, một cái Nghiệp nặng, vì nó chắc chắn trở quở trong kiếp hiện tại hay kế tiếp, sau kiếp hiện tại. Nếu là một Trọng Nghiệp thuộc về loại "thiện" thì đó là kết quả của thiện (Jhana). Người đắc tứ Thiên Sắc Giới chẳng hạn thì hưởng quả vị của Thiên ấy ngay trong kiếp hiện tại hay trong kế tiếp.

Nếu là một Trọng Nghiệp thuộc về loại "bất thiện", thì đó là hậu quả của năm tội ác, Anantariya Kamma, Ngũ Nghịch Đại Tội, tức là: giết cha, giết mẹ, giết một vị A La Hán, gây thương tích cho Đức Phật, và gây chia rẽ Tăng Già.

Đức Phật có lưu ý hàng đệ tử rằng nếu không phạm tội giết cha thì Vua Ajatasattu (A Xà Thế) đã đắc quả Tu Đà Hườn rồi. Trong trường hợp này Trọng Nghiệp bất thiện được gây ra trước, và ngăn cản tiến bộ tinh thần về sau.

Nếu không có một Trọng Nghiệp làm điều kiện cho sự tái sanh trong kiếp kế liền đó, thì "Cận Tử Nghiệp"(Asanna Kamma) là nghiệp dắt dẫn đi thọ sanh. Cận Tử Nghiệp là hành vi cuối cùng, hay hành vi nào mà chấp tư tưởng cuối cùng nhớ đến trước khi lâm chung. Vì lẽ ấy, trong các xứ Phật Giáo thường có tập tục nhắc nhở người sắp lìa trần những hành vi tốt đẹp của họ trong đời sống, giúp đỡ, khuyến khích họ tạo một vài nghiệp lành ngay trước giờ lâm chung như đọc kinh, niệm Phật, bố thí v.v...

Đôi khi người xấu có thể chết một cách yên ổn và tái sanh vào cảnh giới hữu phúc nếu họ được may mắn hồi nhớ lại, hoặc làm một điều thiện trong giờ phút cuối cùng. Như vậy không có nghĩa là người ấy - đầu tái sanh trong nhân cảnh - tránh khỏi quả dữ của nhân ác đã gieo trong quá khứ.

Mặc khác, một người lành có thể thọ sanh trong cảnh khổ vì bất thiện lành trong giờ phút cuối cùng lại có một hành vi hay tư tưởng bất thiện. Trong trường hợp này cũng vậy, nhân lành đã gieo sẽ trở quở đúng lúc, nhưng vì có chấp tư tưởng bất thiện cuối cùng, người ấy phải chịu tái sanh trong cảnh khổ.

Loại nghiệp thứ ba là "Thường Nghiệp" (Acinna Kamma). Thường Nghiệp là hành động hằng ngày, những việc làm mà ta thường lập đi lập lại, hay thường nhắc nhở, nhớ đến, và ưa thích hơn hết. Những thói quen, lành hay dữ, dần dần trở thành bản chất và ít nhiều uốn nắn tâm tánh con người. Trong khi nhân rồi tâm thường duyên theo những tư tưởng, những hành vi quen thuộc một cách tự nhiên, lắm khi vô ý thức. Cùng một thể ấy, trong giờ phút lâm chung, trừ khi bị một ảnh hưởng nào mạnh hơn, ta thường nhớ lại những hành vi và tư tưởng quen thuộc. Như bác sĩ thì nhớ bệnh nhân, giáo sư thì nhớ cử tọa v.v...

Sau cùng là "Nghiệp Tích Trữ" (Katatta Kamma), bao gồm tất cả những trường hợp không có kể trong ba loại nghiệp trên. Những trường hợp nào không nằm trong ba loại nghiệp kể trên gom chung lại thành một loại: Nghiệp Tích Trữ. Nghiệp này giống như cái vốn dự trữ của một cá nhân.

D. Phân loại theo Cảnh giới

Lối phân loại cuối cùng căn cứ trên những cảnh giới mà quả có thể trở sanh. Theo lối này quả có thể chia làm bốn:

- 1.- Những hành động bất thiện (akusala) tạo quả trở sanh trong Dục Giới (kamaloka),
- 2.- Những hành động thiện (kusala), tạo quả tái sanh trong Dục Giới,
- 3.- Những hành động thiện, tạo quả tái sanh trong Sắc Giới (rupaloka), và
- 4.- Những hành động thiện, tạo quả tái sanh trong Vô Sắc Giới (arupaloka).

Những Hành Động Bất Thiện Tạo Quả Trở Sanh Trong Dục Giới

Có mười hành động bất thiện, tạo nghiệp dữ. Trong 10 hành động ấy,

- Ba biểu hiện bằng việc làm (thân nghiệp) là: sát sanh (panatipata), trộm cắp (adinnadana), và tà dâm (kamesu micchacara)

- Bốn biểu hiện bằng lời nói (khẩu nghiệp) là: nói dối (musavada), nói đâm thọc (pisunavaca), nói lời thô lỗ cộc cằn (pharusavaca), nói nhảm nhí vô ích (samphappalapa).

- Ba biểu hiện bằng tư tưởng (ý nghiệp) là: tham lam (abhiijja), sân hận (vyapada), và tà kiến (micchaditthi).

Sát sanh là cố ý giết chết một chúng sanh. Trong Phạm ngữ Panatipata, "pana" có nghĩa là đời sống tâm-vật-lý của một chúng sanh. Xem thường đời sống, tiêu diệt, cắt đứt, ngăn chặn sức tiến của năng lực một đời sống, không để nó tiếp tục trôi chảy là panatipata.

"Pana" có nghĩa là cái gì đó có hơi thở. Do đó tất cả những động vật - gồm cả loài thú - đều được xem là "pana". Cây cỏ không có phần tinh thần, tuy nhiên giới luật hàng xuất gia không cho các vị tu sĩ xâm phạm đến đời sống của cỏ cây. Giới này không áp dụng cho người cư sĩ.

Có năm chi tạo nghiệp sát sanh: 1.- Có một chúng sanh; 2.- Biết rằng đó là một chúng sanh; 3.- Ý muốn giết; 4.- Cố gắng để giết; 5.- Chính hành động giết chết.

Nghiệp bất thiện được gây nên do hành động sát sanh nặng hay nhẹ tùy tánh cách quan trọng của chúng sanh bị giết, lành hay dữ, lớn hay nhỏ v.v... Giết một bậc vĩ nhân hiền đức hay một con thú to lớn tạo nghiệp nặng hay là giết một tên sát nhân hung dữ hay một sinh vật bé nhỏ, vì sự cố gắng để thực hiện hành động sát sanh và tai hại gây ra quan trọng hơn. Quả dữ của nghiệp sát sanh là mạng yếu, bệnh hoạn, buồn rầu, đau khổ vì nạn chia ly và lo sợ.

Có năm chi tạo nghiệp trộm cắp: 1.- Có một vật thuộc sở hữu của người khác; 2.- Biết như vậy; 3.- Có ý muốn đoạt vật ấy làm sở hữu của mình; 4.- Cố gắng trộm cắp; 5.- Chính hành

động trộm cắp. Quả đương nhiên của nghiệp trộm cắp là nghèo nàn, khổ khổ, thất vọng và làm thân nô lệ.

Có bốn chi tạo nghiệp tà dâm là: 1.- Ý nghĩ muốn thỏa mãn nhục dục; 2.- Cố gắng tiếp theo; 3.-Tìm phương tiện để đạt mục tiêu; 4.- Chính hành động tà dâm. Quả đương nhiên của nghiệp tà dâm là có nhiều kẻ thù, đời sống gia đình (giữa vợ và chồng) không có hạnh phúc, tái sanh làm đàn bà hay người bán nam bán nữ.

Có bốn chi tạo nghiệp nói dối: 1.- Có sự giả dối (không chân thật) trong lời nói; 2.- Ý muốn làm người khác hiểu sai sự thật; 3.- Thốt ra lời; 4.- Tạo sự hiểu biết sai lạc cho người khác. Quả đương nhiên của nghiệp nói dối là bị mắng chửi nhục mạ, tánh tình đê tiện, không ai tín nhiệm và miệt thị.

Có bốn chi tạo nghiệp nói đâm thọc: 1.- Có những người sẽ là nạn nhân của sự chia rẽ; 2.- Ý muốn phân ly những người ấy hay muốn lấy lòng một người; 3.- Cố gắng thực hiện tình trạng phân ly; 4.- Thốt ra lời nói đâm thọc. Quả của nghiệp nói đâm thọc là bị chia rẽ với bạn bè.

Có ba chi để tạo nghiệp nói thô lỗ: 1.- Một người khác; 2.- Tư tưởng sân hận; 3.- Thốt ra lời thô lỗ. Quả của nghiệp nói thô lỗ là không làm gì ai cũng bị ghét, tiếng nói khàn khàn.

Có hai chi tạo nghiệp nói nhảm: 1.-Ý muốn nói chuyện nhảm nhí; 2.- Thốt ra lời nói nhảm. Quả của nghiệp nói nhảm là thân thể không nở nang đều (có một bộ phận nào trong mình yếu kém), lời nói không rõ ràng minh bạch làm cho người ta không tin.

Có hai chi tạo nghiệp tham lam: 1.- Vật sở hữu của người khác; 2.- Tâm thèm muốn, ước mong được làm chủ vật ấy. Quả của nghiệp tham lam là không được mãn nguyện.

Có hai chi để tạo nghiệp sân hận: 1.- Một người khác; 2.- Tư tưởng muốn tạo phiền não cho người đó. Quả của nghiệp sân hận là thân hình xấu xa, nhiều bệnh hoạn và bầm tấy khó thương.

Tà kiến là thấy sự vật không đúng, hiểu biết sai lầm, tin rằng không có quả báo.

Có hai chi để tạo nghiệp tà kiến: 1.- Nhìn sự vật một cách sai lầm; 2.- Khư khư cố chấp quan niệm sai lầm ấy. Hậu quả đương nhiên của tà kiến là: ham muốn thấp hèn, thiếu trí tuệ, kém thông minh, bệnh hoạn kinh niên và có những tư tưởng đáng chê trách.

Theo Phật Giáo có 10 loại tà kiến:

- 1.- Tin rằng không có gì gọi là "đề bát"(dinnam). Câu này hàm ý là đề bát chư Tăng không đem lại lợi ích gì.
- 2.- Tin rằng không có gì là "cúng đường"(ittham), hay
- 3.- "dâng tặng"(hutam). Nơi đây cũng vậy hai câu này có nghĩa là đề bát cúng đường Đức Phật và chư Tăng, bố thí vật thực và dâng tặng vật dụng đến những người cần món ấy không đem lại lợi ích gì.
- 4.- Tin rằng không có nhân quả. Hành động thiện hay bất thiện đều không gây hậu quả nào.
- 5.- Tin rằng không có gì gọi là "thế gian này", hay
- 6.- "Thế gian tới", tức những người sanh ở đây không chấp nhận có kiếp quá khứ và những người ở đây không chấp nhận một đời sống vị lai.
- 7.- Tin rằng không có "mẹ", hay "cha". Hai câu này ngụ ý rằng đối xử với cha mẹ như thể nào cũng không đem lại hậu quả gì.
- 9.- Tin rằng không có chúng sanh chết và tái sanh.
- 10.- Tin rằng không có những bậc tu sĩ xa lánh chốn phồn hoa đô hội, tìm nơi vắng vẻ

để hành thiện và những bậc thiện trí thức, đức độ cao cả, đạo hạnh trang nghiêm đã chứng đạt Đạo Quả (âm chỉ chư Phật và chư vị A La Hán).

Nghiệp Lành Tạo Quả Trở Sinh Trong Lục Giới

Có 10 loại hành động tốt tạo nghiệp lành (kusalakamma) trở quả trong Dục Giới là:

- 1.- Bố thí (dana) hay là lòng quảng đại rộng rãi;
- 2.- Trì Giới (sila);
- 3.- Tham thiền (bhavana);
- 4.- Lễ bái (apacayana), biết trọng người đáng kính;
- 5.- Phục vụ (veyyavacca);
- 6.- Hồi hướng phước báu (pattidana);
- 7.- Hoan hỷ với phước báu của người khác (anumodana), tâm Hỷ;
- 8.- Nghe Pháp (dhamma savana);
- 9.- Hoảng Pháp (dhamma desana); và
- 10.- Cùng cố chánh kiến của mình (ditthijjukamma).

Đôi khi thiện nghiệp thứ bảy được chia làm hai: "tán dương phước báu của người khác" (pasamsa) được thêm vào cùng "hoan hỷ với phước báu của người khác" (anumodana). Điểm thứ 10, chánh kiến cũng được chia làm hai là qui y Tam Bảo (tisarana) và niệm (anussati).

Nếu tính như thế ấy thì mười thiện nghiệp trở thành mười hai.

Đức khoan dung quảng đại hay "Tâm Bố Thí" tạo quả dưới hình thức được nhiều của cải, sự nghiệp. "Trì Giới" đem lại sự tái sinh trong gia tộc quý phái và hoàn cảnh an lành hạnh phúc. "Tham Thiền" đưa đến sự tái sinh trong Sắc Giới và Vô Sắc Giới và nâng đỡ, đưa hành giả đến giác ngộ và giải thoát. Quả của sự "Hồi Hướng Phước Báu" là được một đời sống sung túc, dồi dào phong phú. "Hoan Hỷ với phước báu của người khác" đem lại trạng thái an vui, bất luận trong cảnh giới nào. "Nghe Pháp" và "Hoảng Pháp" đem lại trí tuệ. "Kính Trọng Người Đáng Kính" là nhân tạo quả được có thân bằng quyến thuộc quý phái thượng lưu. "Phục Vụ" tạo quả dưới hình thức có nhiều người theo hầu hạ và giúp đỡ. "Tán Dương Hành Động của kẻ khác" đem lại hậu quả là được nhiều người khen tặng. "Quy Y Tam Bảo" sớm chấm dứt phiền não. "Niệm" đem lại hạnh phúc dưới nhiều hình thức.

Thiện Nghiệp Tạo Quả Có Thể Trở Sinh Trong Sắc Giới

Sau đây là năm tầng thiên Sắc Giới (Rupa Jhanas) [7] hoàn toàn thuộc về tâm:

- 1.- Tâm thiện của sơ thiền, gồm: tâm (vitakka), sát (vicara), phi (piti), lạc (sukha), và trụ (ekaggata).
- 2.- Tâm thiện của nhị thiền gồm: sát, phi, lạc, trụ.
- 3.- Tâm thiện của tam thiền gồm: phi, lạc, trụ.
- 4.- Tâm thiện của tứ thiền gồm: lạc và trụ, và
- 5.- Tâm thiện của ngũ thiền gồm: xả (upekkha) và trụ.

Mỗi tầng trong năm tầng thiên ấy đều là nhân tạo quả tương xứng cho hành giả thọ hưởng trong cảnh sắc giới, sau khi từ bỏ xác thân này.

Thiện Nghiệp Tạo Quả Trở Sinh Trong Vô Sắc Giới

Có bốn tầng Thiên Vô Sắc tạo quả cho hành giả thọ hưởng trong những cảnh trời Vô Sắc:

- 1.- Tâm thiện đeo níu trạng thái "không vô biên thiên" (Akasanancayatana).
- 2.- Tâm thiện đeo níu trạng thái "thức vô biên thiên" (Vinnanancayatana)

- 3.- Tâm thiện đeo níu trạng thái "vô sở hữu thiên"(Akincannacayatana).
4.- Tâm thiện đeo níu trạng thái "phi tưởng, phi phi tưởng thiên"(Nevasanna nasannayatana). [8]

-ooOoo-

Chú thích:

[1] Dictionary of Philosophy.

[2] Theo triết học Phật Giáo, không lúc nào không có một loại tâm đang đeo níu một đối tượng, vật chất hay tinh thần. Nói cách khác, tâm luôn luôn có đối tượng. Đối tượng của tâm có thể là vật chất như tiếng động, hình sắc hay tinh thần như một tư tưởng, tâm Từ chẳng hạn. Mỗi chấp tư tưởng phát sanh rồi hoại diệt và, trước khi diệt, tạo điều kiện cho chấp tư tưởng kế tiếp phát sanh. Sự tồn tại của một chấp tư tưởng như vậy nhanh đến độ giác quan của con người khó có thể ý thức được. Những nhà chú giải ghi nhận rằng trong thời gian một cái nhোও, có hằng tỷ tỷ chấp tư tưởng phát sanh và hoại diệt.

[3] Dhammapada, Kinh Pháp Cú, câu 165.

[4] Buddhist Legends - Dhammapadatthakatha, phần 2, tr. 262.

[5] Buddhist Legends, trang 282.

[6] Theo một vài quyển sách, chính ông đã giết mẹ.

[7] Theo Vi Diệu Pháp Toát Yếu, Abhidhammatha Sangaha, Thiền Sắc Giới (Rupa Jhana) có năm tầng, nhưng sách Visuddhi Magga, Thanh Tịnh Đạo, chỉ nêu lên bốn tầng. Không có nhiều khác biệt giữa hai lối giải thích. Theo Vi Diệu Pháp, mỗi tầng Thiền (Jhana) tương ứng với một chi thiền (tâm, sát, phi, lạc, trụ). Trong sách Thanh Tịnh Đạo tành nhị thiền không còn hai chi tâm, sát nữa mà chỉ gồm ba chi thiền: phi, lạc, trụ.

[8] Để có thêm chi tiết, xem "A Manual of Abhidhamma", tác giả Narada Thera, trang 43-56.

4. Tính chất của Nghiệp

"Gieo giống nào, gặt giống nấy." -- Táp A Hàm

Chúng ta có phải gặt hái tất cả những nhân đã gieo không? Không nhất thiết phải như thế. Trong bộ Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, Đức Phật dạy:

"Nếu có ai cho rằng con người phải gặt hái trọn hậu quả theo tất cả những hành động trong quá khứ thì không thể có đời sống đạo đức, và con người cũng không thể có cơ hội tận diệt phiền não: Nhưng nếu nói rằng quả phải gặt tương xứng với nhân đã gieo thì ắt có đời sống đạo đức và con người sẽ có cơ hội dập tắt phiền não." [1]

Như vậy, theo Phật Giáo có thể uốn nắn, chuyển hoá cái nghiệp, mặc dầu kinh Pháp Cú, câu 127, có dạy:

"Không phải bay lên trời cao, lặn xuống biển sâu, hay chui vào hang núi, mà ta có thể tìm được nơi nào trên thế gian này để lẩn tránh quả dữ của Nghiệp xấu."

Nếu như phải trả quả của tất cả những nghiệp đã tạo trong quá khứ thì chúng sanh ắt phải chịu vĩnh viễn sống trong đau khổ và không thể mong có ngày giải thoát.

Dầu không hoàn toàn làm chủ cái Nghiệp - vì nhân đã gieo - nhưng ta cũng không tuyệt đối phải bó tay chịu làm nô lệ. Dầu con người xấu xa dễ tiện nhất cũng có thể cố gắng trở nên trong sạch đạo đức. Chúng ta luôn luôn biến đổi và luôn luôn trở thành một cái gì mới, và cái mới ấy tùy thuộc chính ta, tùy thuộc nơi hành động của chính ta. Từng giây, từng phút ta có thể tự cải hoá, làm cho ta trở nên tốt đẹp hơn, cũng như xấu xa hơn. Dầu người tội lỗi hư hèn nhất cũng không đáng khinh. Trái lại, nên tạo cho họ một niềm tin tưởng nơi sự cố gắng cải thiện bản chất bình sanh của họ. Nên thương hại họ, biết đâu một lúc nào trong quá khứ ta cũng cùng ở trong tình trạng với hạng người hư hèn ấy và ta đã tiến bộ. Hôm nay ở một vị trí thấp kém, họ cũng có thể cố gắng theo ta và có khi tiến trội hơn ta.

Ai biết được cái nghiệp đã tích trữ của một người khác?

Angulimala, tên sát nhân lưng danh khét tiếng một thời, đã giết chết cả ngàn anh em đồng loại, trở thành một vị A La Hán và thoát khỏi quả dữ của những hành động tàn ác ấy.

Cô Ambapali, một gái giang hồ biết hồi tâm tu hành cũng đắc Quả A La Hán.

Alavaka, dạ xoa hung tợn thường ăn thịt người, từ bỏ thói dữ và cố gắng tu tập, cũng đắc Quả Tu Đà Hườn.

Vua Asoka (A-Dục) có tiếng là hung ác bạo tàn, trở thành một đấng minh quân, đổi những trận giặc xâm lăng khốc liệt ra những chiến dịch truyền bá đạo lý cao siêu thâm diệu và giáo huấn từ bi của Đức Phật, để mưu cầu hạnh phúc cho một phần nhân loại:

"Giữa oai danh của trăm ngàn vua chúa trong lịch sử nhân loại, danh thơm cao quý vừa hùng vĩ vừa dịu dàng, vừa trong sáng vừa trầm lắng, của Hoàng Đế A Dục chói ngời rực rỡ như một vị sao tạo rạng."

Đó là một vài trường hợp hiếm hoi chỉ rằng nhờ ý chí hùng dũng, con người có thể đổi hẳn tâm tánh, từ xấu ra tốt, từ dữ ra lành.

Trong một vài trường hợp khác, cũng có thể quả của một nhân yếu mà tái sanh tròn đủ, còn quả của một nhân mạnh lại được lắng dịu.

Đức Phật dạy:

"Hỡi này các Tỷ khuru, người kia không biết khép mình vào kỷ cương của thân, của đạo lý, của tâm, của trí tuệ, người kém đạo đức, kém giới hạnh và do đó, sống đau khổ.

"Dầu một hành động tầm thường của người ấy cũng đủ tạo quả đưa vào cảnh khổ.

"Hỡi này các Tỷ khuru, người nọ có nếp sống kỷ cương về phương diện vật chất cũng như về mặt tinh thần đạo đức, và trí tuệ, người đạo đức cao thượng, biết làm điều thiện và lấy tâm Từ vô lượng đối xử với tất cả mọi chúng sanh.

"Người như thế, dầu có một hành động lầm lạc tầm thường như kể trên, hành động ấy không tạo quả trong hiện tại hay trong kiếp vị lai. [2]

"Tỷ như có một người kia rót một muỗng muối vào bát nước. Này hỡi các Tỷ khuru, các thầy nghĩ như thế nào? Nước trong bát có thể trở nên mặn và khó uống không?

- Bạch hóa Đức Thế Tôn, có.

- Tại sao?

- Bạch Đức Thế Tôn, vì nước trong bát thì ít mà cho vào một muổng muối thì phải mặn.

- Bây giờ, tỷ như người kia đổ muổng muối ấy xuống sông Hằng (Ganges), nầy hỏi các Tỷ khuru, các thầy nghĩ sao? Nước sông Hằng có vì muối ấy mà trở nên mặn và khó uống không?

- Bạch hóa Đức Thế Tôn, không?

- Tại sao?

- Bạch Đức Thế Tôn, vì sông Hằng rộng lớn, nước nhiều, chỉ bấy nhiêu muối ấy không đủ làm mặn.

- Cũng dường thế ấy, có trường hợp người kia vì phạm một lỗi nhỏ mà chịu cảnh khổ. Người khác cũng tạo một lỗi tương tự nhưng gặt quả nhẹ hơn và sau khi chết, quả kia không trở sanh nữa, dầu trở một cách nhẹ nhàng.

"Có thể có trường hợp người kia bị bỏ tù vì ăn cắp nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu, và cũng trong trường hợp người nọ không bị bỏ tù vì nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu.

"Ai bị bỏ tù vì nửa xu, một xu, hay một trăm xu?

"Khi người ta nghèo khổ, túng thiếu, bần cùng thì dầu chỉ nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu cũng bị bỏ tù.

"Ai không bị bỏ tù vì nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu?

"Khi người ta giàu có, dư dả, sung túc, thì không bị bỏ tù vì nửa xu, một xu, hay một trăm đồng xu.

"Cùng một thế ấy, có trường hợp người kia chỉ có một vài hành động bất thiện nhỏ nhặt mà phải lâm vào cảnh khốn cùng, và có trường hợp người nọ cũng phạm lỗi lầm y như vậy mà không phải gặt quả nào trong kiếp hiện tại. Hành động bất thiện ấy cũng không có hậu quả nhỏ nhen nào sau kiếp sống này. [3]"

Nguyên Do Vì Sao Đôi Khi Quả Trở Sinh Trái Ngược Với Nhân Đã Gieo

Nhân lành tạo quả lành. Nhưng đã gieo nhân lành rồi còn hối tiếc, đã làm một việc thiện mà còn ăn năn, hối hận, thì quả trở sanh không được tương xứng với nhân.

Tích chuyện sau đây là một ví dụ:

Ngày kia Vua Pasenadi xứ Kosala đến hầu Đức Phật và bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, tại thành Savatthi (Xá Vệ) có một nhà triệu phú vừa qua đời mà không có người thừa kế. Vì lẽ ấy bao nhiêu tài sản của ông, gồm hàng trăm thoi vàng, ngoài số bạc và của cải khác, đều được bỏ xung vào kho. Bạch Đức Thế Tôn, người giàu có lúc ấy còn sanh tiền sống thật kham khổ, ăn thì chỉ cơm nát với thức ăn thừa và thiu, mặc thì chỉ dùng vải thô và chỉ gai, còn di chuyển thì chỉ có một chiếc xe cũ kỹ với con ngựa gầy."

Đức Phật dạy:

"Mặc dầu vậy, trong một tiền kiếp nhà triệu phú ấy thường đi bát cúng dường đến một vị Độc Giác Phật tên là Taragasikhì. Tuy đi bát cúng dường nhưng ông không bao giờ quan tâm đến công đức ấy. Ông lại có ý hối tiếc vì đã mất của, và tự nghĩ thầm: 'Phải chi ta để dành vật thực

ấy cho người ăn kẻ ở trong nhà còn hơn.' Ngoài ra, ông còn giết chết một người cháu để sang đoạt gia tài.

"Do quả lành của công đức bố thí cúng dường, ông tái sanh bảy lần trong cảnh Trời. Cũng do quả lành ấy ông tái sanh bảy lần làm triệu phú tại thành Savatthi (Xá Vệ) này. Vì ông đã hồi tiếc, nghĩ thâm rằng: 'Phải chi ta để dành vật thực ấy cho người ăn kẻ ở trong nhà còn hơn', nên mặc dầu giàu có, ông không thể toại hưởng sự nghiệp vĩ đại ấy, không dám ăn ngon, không dám mặc đẹp, luôn luôn lo sợ hết của, không dám nhờ tiền để tạo tiện nghi cho đời sống vật chất.

"Vì đã giết chết một người cháu để sang đoạt tài sản, nhà triệu phú độc ác ấy phải chịu đau đớn nhiều năm, nhiều trăm năm, trong cảnh khổ. Và cũng vì hành động ác độc ấy ông phải chịu tuyệt dòng liên tiếp trong bảy kiếp, do đó bao nhiêu tài sản của ông phải bị xung vào quốc khố. [4]"

Nhà triệu phú được một sự nghiệp vĩ đại nhờ nhân tốt đã gieo. Tuy nhiên đã gieo nhân lành mà còn hồi tiếc nên dù được sự nghiệp lớn lao, ông không được hưởng.

Duyên Hỗ Trợ và Duyên Trở Ngại

Trong sự báo ứng của nghiệp ta nên biết rằng có những năng lực hỗ trợ, nâng đỡ, tạo điều kiện, trợ duyên cho quả sớm trở sanh, và ngược lại cũng có những năng lực kiềm hãm, ngăn chặn, không cho quả trở sanh, hay nghịch duyên.

Sự sanh trưởng (gati), thời gian hay hoàn cảnh (kala), nhân cách hay tướng mạo (upadhi), và sự nỗ lực cố gắng (payoga) là những năng lực trợ duyên hay nghịch duyên, hỗ trợ hay ngăn cản quả trở sanh.

Thí dụ như người kia sanh trưởng trong một gia đình quý phái, giàu sang, hay trong hoàn cảnh an lành, sự tái sanh tốt ấy đôi khi là một năng lực ngăn chặn không cho quả dữ trở sanh.

Trái lại, người nọ sanh trưởng trong gia đình nghèo khó khốn cùng, hay trong cảnh khổ, sự tái sanh bất hạnh của người này tạo điều kiện thuận tiện cho quả dữ trở sanh.

Danh từ Phật Giáo gọi những năng lực ấy là "tái sanh thuận lợi" (gati sampatti) và "tái sanh bất thuận lợi" (gati vipatti).

Người kia, dầu không phải là hạng thông minh, mà nhờ có Nghiệp tốt, sanh trưởng trong hoàng tộc thì cũng được thiên hạ kính nể kiêu vi. Nếu cũng kém thông minh như người ấy mà sanh trong gia đình túng thiếu bần hàn thì ắt không được kính trọng như vậy.

Đức vua Dutthagamani xứ Tích Lan gieo nhân xấu vì đã gây chiến tranh chống tộc Tamil, đồng thời cũng tạo nhiều Nghiệp tốt do các công tác từ thiện có tánh cách tôn giáo và xã hội. Nhờ Nghiệp Tái Tạo tốt ấy Ngài được tái sanh vào cõi Trời. Tục truyền rằng đến thời Đức Phật Di Lạc (Metteya) ra đời, Ngài sẽ trở xuống một lần chót. Nhân bất thiện mà Ngài đã gieo không trở quả, nhờ được "tái sanh thuận lợi" trong hoàn cảnh tốt.

Trường hợp vua Ajatasattu (A-Xà-Thế) là một thí dụ khác. Phạm trọng tội giết cha, nhưng về sau ông đến gần Đức Phật và trở nên một vị minh quân có tâm đạo nhiệt thành. Vì mang trọng giết cha, ông phải tái sanh vào cảnh khổ, và do sự tái sanh bất thuận lợi ấy, bao nhiêu nhân lành ông đã gieo không đủ duyên hỗ trợ để trở quả.

Dung mạo đẹp đẽ (upadhi sampatti) hay xấu xa (upadhi vipatti) là hai yếu tố khác có thể hỗ trợ hay gây trở ngại cho sự báo ứng của Nghiệp.

Nếu nhờ Nghiệp tốt mà người kia được tái sanh thuận lợi, nhưng bất hạnh phải tật nguyên hay có tướng mạo dung nhan xấu xí thì cũng không hoàn toàn trọn hưởng phước lành của mình. Một vị hoàng tử đáng lẽ phải nối ngôi cha để trị vì thiên hạ, nhưng nếu vị ấy tật nguyên cũng có thể đó là một trở ngại, không được lên ngôi báu.

Trái lại, diện mạo phương phi là yếu tố giúp thành công. Một đứa trẻ tuy nghèo nhưng mặt mày thông minh sáng sủa có thể làm cho người khác chú ý đến và gieo ít nhiều thiện cảm đến người khác.

Thời gian hay cơ hội thuận lợi và bất thuận lợi (kalasampatti và kalavipatti) là hai yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến sự báo ứng của Nghiệp. Thí trong một thiên tai, tất cả đều phải cùng chung chịu một số phận. Đó là điều kiện bất thuận lợi, trợ duyên cho nghiệp xấu trở sanh. Cũng có những điều kiện thuận lợi làm suy giảm năng lực hoặc ngăn chặn không cho Nghiệp xấu trở sanh.

Trong các năng lực trợ duyên và nghịch duyên, hạnh tinh tấn hay sự nỗ lực cố gắng (payoga) là quan trọng hơn tất cả. Trong sự báo ứng của Nghiệp, tình trạng cố gắng hay thiếu cố gắng giữ một vai trò chánh yếu. Do cố gắng trong hiện tại, ta có thể chuyển Nghiệp, tạo Nghiệp mới, hoàn cảnh mới, môi trường mới, cả một thế giới mới.

Dẫu có điều kiện thuận lợi và được trợ duyên đầy đủ mà nếu không nỗ lực cố gắng thì chẳng nhưng ta bỏ mất cơ hội quý báu, mà có khi còn hoang phí cả sự nghiệp, vật chất hay tinh thần.

Nếu bệnh mà không tìm thầy thuốc. Nếu gặp khó khăn mà không cố gắng giải quyết, không nỗ lực để vượt qua, thì quả dữ ắt được trợ duyên đầy đủ để trở sanh. Trái lại, nếu ta tận lực cố gắng để vượt qua mọi khó khăn, luôn luôn cải thiện hoàn cảnh, tận dụng mọi khả năng mọi cơ hội hiếm có để vững vàng tiến bộ thật sự, Nghiệp tốt sẽ được trợ duyên đầy đủ để trở sanh.

Mặc dầu không hoàn toàn làm nô lệ cũng không tuyệt đối làm chủ cái Nghiệp, chắc chắn là những yếu tố trợ lực và nghịch duyên ấy cũng ảnh hưởng phần nào năng lực báo ứng của Nghiệp, do sự tái sanh, hoàn cảnh, cá tính, cố gắng cá nhân, và những yếu tố tương tự. Chính lý Nghiệp Báo đem lại cho người Phật tử sự an ủi, niềm hy vọng, chỗ nương tựa và khích lệ tinh thần để có thể đảm vững bước trên con đường tiến bộ.

Khi có việc bất chắc xảy đến, khi gặp trở ngại, khó khăn, thất bại, và hoàn cảnh bất hạnh, người Phật tử nhận định rằng mình đang gặt hái giống nào mà trước kia chính mình đã gieo, mình đang trang trải một món nợ đã vay lúc nào trong quá khứ.

Tuy nhiên, thay vì phải bó tay chịu quy hàng hoàn cảnh để cho định luật Nghiệp Báo tự nhiên diễn tiến, người Phật tử tận lực cố gắng diệt trừ, bứng tận gốc rễ giống cỏ xấu, và gieo trồng những giống tốt. Tương lai hoàn toàn nằm trong tay ta.

Người tin tưởng lý Nghiệp Báo không khi nào lên án kẻ hù hèn tội lỗi bởi vì mọi người đều có khả năng và cơ hội để tự cải thiện bất cứ lúc nào. Người kia đau phải chịu đau khổ trong hiện tại nhưng vẫn có hy vọng như mọi người, rằng trong một ngày tươi đẹp nào, chính mình cũng có thể đạt Đạo Quả cao thượng, an vui hạnh phúc vĩnh cửu trường tồn. Ta tạo địa ngục cho ta, do chính hành động của ta. Cũng do hành động của chính ta, ta tạo thiên đàng cho ta.

Một người Phật tử thuần thành và hiểu biết chắc chắn định luật Nghiệp Báo không khi nào van vái cầu xin được cứu rỗi. Trái lại, đặt trọn niềm tin nơi chính mình, nơi hạnh tinh tấn của mình, để được giải thoát. Thay vì bó tay đầu hàng hay vuốt ve tăng bốc một thần lực siêu nhân nào, người Phật tử đặt trọn niềm tin mình trên ý trí của mình, và không ngừng hoạt động để tạo an lành cho tất cả.

Niềm tin vững chắc nơi Nghiệp Báo "nâng cao giá trị của hạnh tinh tấn và kích thích lòng nhiệt thành", bởi vì lý Nghiệp Báo dạy mỗi người phải lãnh lấy trách nhiệm của mình.

Đối với người Phật tử sơ cơ, định luật Nghiệp Báo là một điều răn. Với hạng người trí thức, Nghiệp Báo là một khích lệ.

Luật Nhân Quả giải thích vấn đề đau khổ, giải thích tình trạng bí ẩn của cái được gọi là Số Mạng và Tiền Định của một vài tôn giáo và, trên hết, giải thích hoàn cảnh chênh lệch giữa loài người, giữa chúng sanh.

Chúng ta là vị kiến trúc sư xây đắp số phận của chúng ta. Chính ta tạo ra hay tiêu diệt ta. Chính ta tạo thiên đàng cho ta và cũng chính ta tạo địa ngục cho ta.

Những gì ta nghĩ, nói, và làm, là của ta. Chính tư tưởng, lời nói và hành động là Nghiệp. Và Nghiệp đưa ta lên hay xuống từ kiếp này sang kiếp khác, mãi mãi trong vòng luân hồi.

Đức Phật dạy:

"Phước và tội mà con người tạo ra là những gì mà con người làm chủ, những gì đưa con người đi, từ nơi này...

Là những gì bên gót chạy theo con người như bóng theo hình.

Vậy, từ đây con người hãy tích trữ cái tốt để đem đi nơi khác, trong tương lai.

Hãy tạo một nền tảng vững chắc cho thế gian ngày mai." [5]

-ooOoo-

Chú thích:

[1] Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, phần 1, trang 249. Xem Warren, "Buddhism in Translations", trang 218.

[2] Đức Phật muốn ám chỉ các vị A La Hán.

[3] Aguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, phần 1, trang 249, Xem Warren, "Buddhism in Translations", trang 218.

[4] Samyutta Nikaya, Tạp A Hàm, phần i, trang 91. Xem Warren, "Buddhism in Translations", trang 296; và Grimm, "The Doctrine of the Buddha", trang 248.

[5] Kindred Sayings, phần i, trang 98.

-ooOoo-

[Dầu trang](#) | [Phần I](#) | [Phần II](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 09-2002).

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

updated: 18-09-2002